

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A. Trong vùng nhiều thiên tai. B. Tiếp giáp với Biển Đông.
C. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc. D. Ở trung tâm bán đảo Đông Dương.

Câu 2. Nơi có sự bào mòn, rửa trôi đất đai mạnh nhất là

- A. đồng bằng. B. miền núi. C. ô trũng. D. ven biển.

Câu 3. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc Trung ương?

- A. Hải Phòng. B. Huế. C. Đà Nẵng D. Cần Thơ.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với dân cư nước ta hiện nay?

- A. Quy mô dân số đông nhiều thành phần dân tộc. B. Tốc độ gia tăng dân số giảm cơ cấu dân số vàng.
C. Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn. D. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có sự thay đổi.

Câu 5. Chăn nuôi gia cầm ở nước ta

- A. tăng liên tục về số lượng vật nuôi. B. phát triển rất mạnh ở các vùng núi.
C. còn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. D. cung cấp sản lượng thịt lớn nhất.

Câu 6. Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở Đông Nam Bộ là

- A. than đá. B. than nâu. C. khí tự nhiên. D. than bùn.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với ngành hàng không của nước ta?

- A. Là ngành phát triển lâu đời. B. Năng lực vận tải tăng lên.
C. Lao động trình độ rất cao. D. Chưa có các cảng quốc tế.

Câu 8. Hình thức du lịch sinh thái có tiềm năng nhất ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Giáp vùng biển giàu tiềm năng. B. Có diện tích tự nhiên lớn nhất.
C. Có biên giới với Trung Quốc và Lào. D. Giáp với Đồng bằng sông Hồng.

Câu 10. Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng không phải là do

- A. trồng lúa nước cần nhiều lao động. B. vùng mới được khai thác gần đây.
C. có nhiều trung tâm công nghiệp. D. có nhiều điều kiện lợi cho cư trú.

Câu 11. So với các vùng lãnh thổ khác của nước ta, Duyên hải Nam Trung Bộ có

- A. nghề cá phát triển mạnh và toàn diện nhất.
B. tài nguyên du lịch phong phú đa dạng hơn.
C. nhiều địa điểm tốt để xây dựng các cảng biển.
D. thuận lợi hơn để phát triển tổng hợp kinh tế biển.

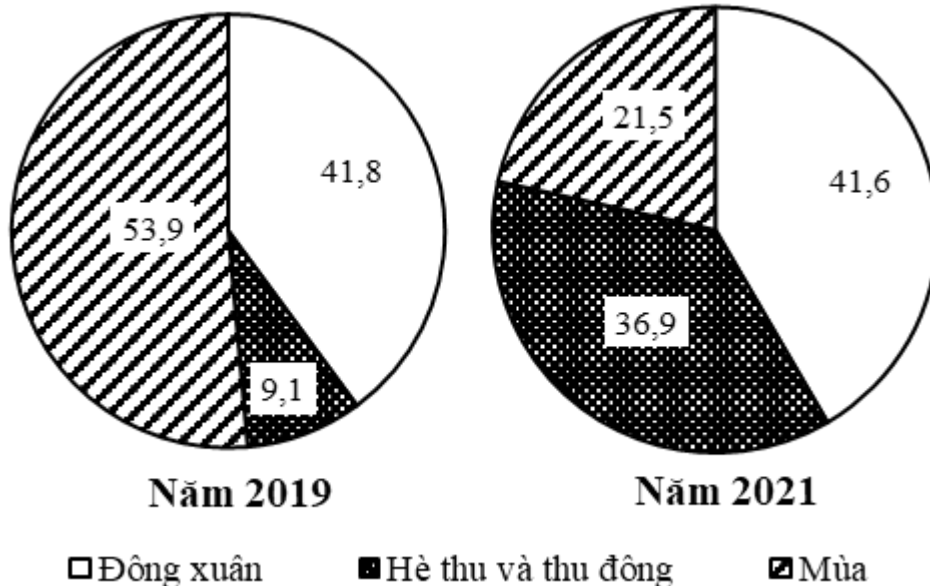
Câu 12. Điều không phải là thế mạnh nổi bật của Đông Nam Bộ?

- A. Phát triển sản xuất lương thực. B. Trồng các loại cây công nghiệp.
C. Khai thác dầu khí quy mô lớn. D. Xây dựng nhà máy thủy điện.

Câu 13. Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc do các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng. B. Khí hậu và sự phân bố địa hình.
C. Hình dáng lãnh thổ và khí hậu. D. Hình dáng lãnh thổ và địa hình.

Câu 14 Cho biểu đồ sau:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VỤ MÙA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2019 VÀ 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Lúa đông xuân giảm 0,2%, lúa mùa tăng 27,8%.
- B. Lúa đông xuân tăng 0,2%, lúa mùa tăng 27,8%.
- C. Lúa mùa giảm 28,7%, lúa hè thu và thu đông giảm 32,4%.
- D. Lúa mùa tăng 27,8%, lúa hè thu và thu đông giảm 32,4%.

Câu 15. Nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm
A. 1975. B. 1986. C. 1995. D. 2007.

Câu 16. Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thể mạnh về
A. chăn nuôi gia súc lớn. B. cây công nghiệp hàng năm.
C. chăn nuôi gia cầm. D. cây lương thực và nuôi lợn.

Câu 17. Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông và Tây của dãy Trường Sơn Nam chủ yếu do
A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

Câu 18. Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

- A. nước biển dâng, nhiều cửa sông đổ ra biển, không có hệ thống đê ngăn mặn.
- B. mùa khô sâu sắc, tác động mạnh của thủy triều, phát triển nuôi trồng thủy sản.
- C. địa hình đồng bằng thấp, mạng lưới sông ngòi chằng chịt, mùa lũ đến muộn.
- D. biến đổi khí hậu, phát triển thủy điện ở thượng lưu, rừng ngập mặn suy giảm.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đặc trưng về khí hậu của miền là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt độ giảm. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản sự xâm nhập trực tiếp của gió mùa Đông Bắc vào khu vực Tây Bắc làm cho mùa đông ở Tây Bắc ấm và ngắn hơn Đông Bắc. Do tác động bức chắn của dãy Trường Sơn Bắc, hình thành gió Tây khô nóng ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ.

a) Tây Bắc có một mùa đông đến muộn và kết thúc sớm, nhiệt độ hạ thấp trong mùa đông chủ yếu do độ cao địa hình.

b) Mùa hạ đến sớm do hoạt động của gió mùa tây nam có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

c) Do vị trí và đặc điểm lãnh thổ nên gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị biến tính, suy yếu.

d) Do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ cả miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, phục vụ nhu cầu của sản xuất và con người. Dưới tác động của đường lối Đổi mới cùng những thành tựu nổi bật của cuộc Cách mạng 4.0, ngành dịch vụ nước ta phát triển mạnh mẽ, hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và quốc tế.

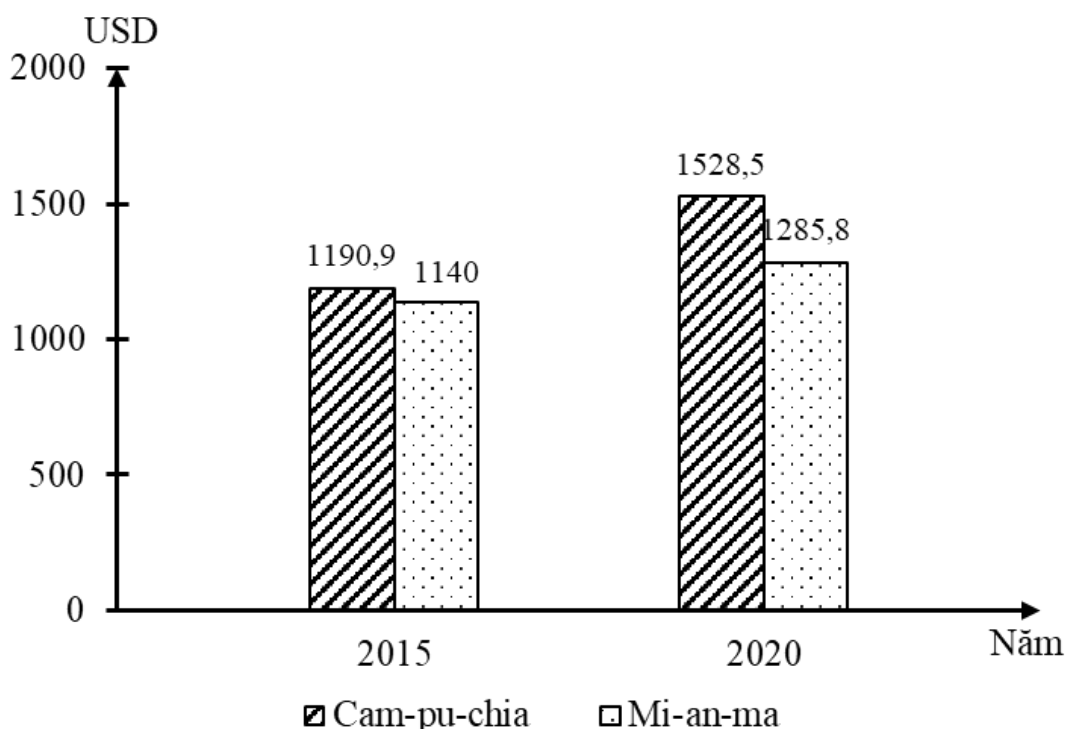
- Dịch vụ nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập với thế giới.
- Dịch vụ góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững.
- Dịch vụ đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ.
- Dịch vụ tăng cường thêm sự phân hóa rõ rệt về trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Tài nguyên sinh vật ở Đồng bằng sông Cửu Long phong phú, có hơn 240 nghìn ha rừng năm 2021, chủ yếu là hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng tràm ở các vườn quốc gia (U Minh Thượng, U Minh Hạ,...), khu dự trữ sinh quyển (Mũi Cà Mau, Kiên Giang,...) cùng động vật có giá trị, đặc biệt là loài cá và loài chim.

- Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.
- Rừng ngập mặn có giá trị chủ yếu về kinh tế, cung cấp nhiều lâm sản có giá trị cao.
- Diện tích rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long gần đây có xu hướng giảm do chuyển đổi sản xuất, biến đổi khí hậu.
- Việc bảo vệ và mở rộng rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA CAM-PU-CHIA VÀ MI-AN-MA NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

- Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
- Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng 337,6 USD, Mi-an-ma tăng 145,8 USD.
- Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng 337,6 USD và tăng gấp 2,5 lần Mi-an-ma.
- Tốc độ tăng trưởng của Cam-pu-chia 128%, Mi-an-ma 114 %.

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ CÀ MAU NĂM 2022

(Đơn vị: °C)

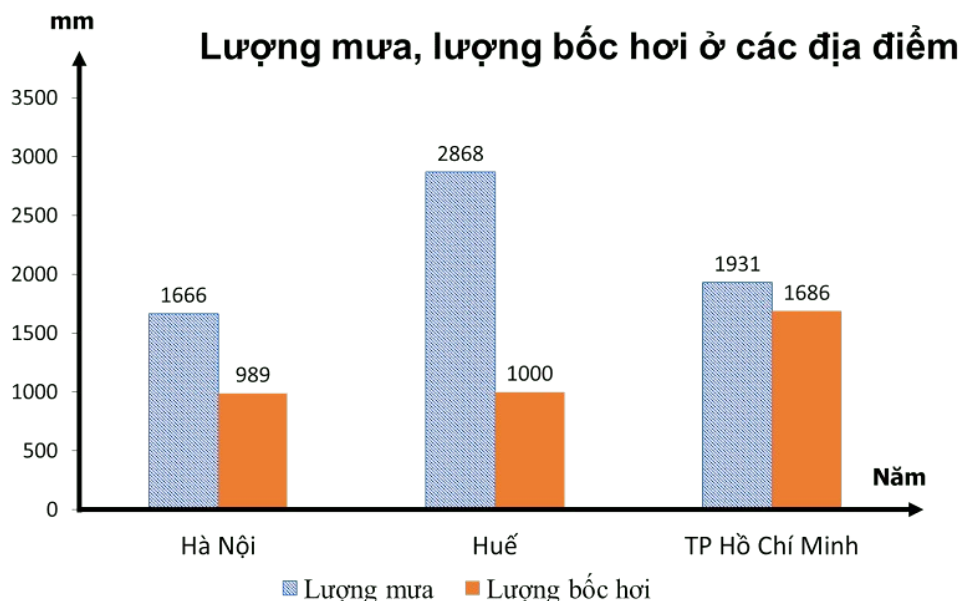
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6
--------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2022)

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau bao nhiêu? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân của °C)

Câu 2. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết trị số cân bằng ẩm của Huế là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 3. Tại lưng chừng núi sườn đón gió ẩm (500 m) có nhiệt độ là 25°C, độ cao của đỉnh núi là 2500m. Vậy nhiệt độ ở chân núi sườn khuất gió là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 4. Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 336,1 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 35%. Tính trị giá xuất khẩu hàng hóa của Đồng bằng Sông Hồng năm 2021? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

Tính năng suất lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Tổng diện tích rừng và diện tích rừng trồng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	3 045,0	3 126,7	3 131,1
Trong đó: Diện tích rừng trồng	808,9	921,2	929,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2022)

Cho biết tỉ trọng diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng lên bao nhiêu % so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)

-----HẾT-----

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

BẢNG ĐÁP ÁN

1.D	2.C	3.B	4.C	5.C	6.C	7.B	8.D	9.A
10.B	11.C	12.A	13.D	14.A	15.D	16.A	17.A	18.D

Câu 1. Chọn D.

Việt Nam thuộc bán đảo Đông Dương

Câu 2. Chọn C.

Miền núi địa hình dốc tốc độ dòng lớn, mưa nhiều tập trung lượng nước lớn cuốn theo đất đá tạo thành lũ quét.

Câu 3. Chọn B.

Huế không phải là thành phố trực thuộc Trung ương

Câu 4. Chọn C.

Dân cư nước ta phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn nên đáp án **không đúng** là dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn

Câu 5. Chọn C.

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là điều kiện dễ sau bệnh phát triển nên ngành chăn nuôi gia cầm chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh

Câu 6. Chọn C.

Nhà máy nhiệt điện ở Đông Nam Bộ chạy nguồn nhiên liệu chủ yếu là Khí tự nhiên

Câu 7. Chọn B.

Ngành hàng không phát triển nhanh chóng nên năng lực vận tải tăng lên.

Câu 8. Chọn D.

Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với các cánh rừng ngập mặn đa dạng hệ sinh thái nên vùng có tiềm năng về du lịch sinh thái.

Câu 9. Chọn A.

Trung du và miền núi Bắc Bộ không giáp biển.

Câu 10. Chọn B.

Đồng bằng sông Hồng có lịch sử khai phá lãnh thổ lâu đời không phải là vùng mới được khai phá.

Câu 11. Chọn C.

Duyên hải Nam Trung Bộ có núi ăn ra sát biển nhiều vũng, vịnh phù hợp để xây dựng các cảng biển.

Câu 12. Chọn A.

Đông Nam Bộ không có thế mạnh về cây lương thực.

Câu 13. Chọn D.

Sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc do lãnh thổ trải dài theo vĩ độ, hẹp ngang, địa hình phía tây là núi phía đông là đồng bằng.

Câu 14. Chọn A.

Dựa vào biểu đồ ta tính được Lúa đông xuân giảm 0,2%, lúa mùa tăng 27,8%.

Câu 15. Chọn D.

Nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007.

Câu 16. Chọn A.

Vùng gò đồi thấp thường có nhiều đồng cỏ tự nhiên phù hợp cho chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 17. Chọn A.

Thiên nhiên giữa hai khu vực Đông và Tây của dãy Trường Sơn Nam đối lập nhau chủ yếu do địa hình đón gió, khuất gió hình thành hiện tượng phơn của 2 sườn Đông và Tây.

Câu 18. Chọn D.

Đồng Bằng Sông Cửu Long địa hình thấp, biến đổi khí hậu làm nước biển dâng trọng khi đó sông ngòi thì hạ mực nước do xây dựng quá nhiều đập thủy điện, chặt phá rừng ngập mặn ven biển nên đã tạo điều kiện cho nước biển lấn sâu.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.**Câu 1.**

Nội dung	Đúng	Sai
----------	------	-----

a) Tây Bắc có một mùa đông đến muộn và kết thúc sớm, nhiệt độ hạ thấp trong mùa đông chủ yếu do độ cao địa hình.	Đ	
b) Mùa hạ đến sớm do hoạt động của gió mùa tây nam có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương.	Đ	
c) Do vị trí và đặc điểm lãnh thổ nên gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị biến tính, suy yếu.	Đ	
d) Do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ cả miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.		S

a) Gió mùa mùa đông thổi vào Việt Nam theo hướng đông bắc gặp dãy Hoàng Liên Sơn chắn gió Tây Bắc nằm ở sườn khuất gió nên có một mùa đông đến muộn và kết thúc sớm bớt lạnh hơn so với vùng Đông Bắc, nhiệt độ hạ thấp trong mùa đông chủ yếu do độ cao địa hình.

b) Vào đầu mùa hạ khối không khí ẩm xuất phát từ Bắc Ấn Độ dương di chuyển qua Việt Nam gây mưa cho Tây Nguyên và Nam Bộ gây khô nóng cho ven biển Bắc Trung Bộ và phần phía nam Tây Bắc

c) Do Tây Bắc nằm ở sườn khuất gió và Bắc Trung Bộ ảnh hưởng của biển nên gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị biến tính, suy yếu.

d) Do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ chỉ có phần phía nam Tây Bắc và dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Dịch vụ nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập với thế giới.	Đ	
b) Dịch vụ góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững.	Đ	
c) Dịch vụ đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ.	Đ	
d) Dịch vụ tăng cường thêm sự phân hóa rõ rệt về trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương.		S

a) Dịch vụ nâng cao trình độ sản xuất trong nước vì ngành có vai trò thúc đẩy các ngành khác phát triển, tăng cường hội nhập với thế giới vì dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong toàn cầu hóa hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Dịch vụ có vai trò góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững.

c) Dịch vụ làm thay đổi phương thức sản xuất nên đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ.

d) Dịch vụ thúc đẩy trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.	Đ	
b) Rừng ngập mặn có giá trị chủ yếu về kinh tế, cung cấp nhiều lâm sản có giá trị cao.		S
c) Diện tích rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long gần đây có xu hướng giảm do chuyển đổi sản xuất, biến đổi khí hậu.	Đ	
d) Việc bảo vệ và mở rộng rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai.	Đ	

a) Đồng bằng sông Cửu Long địa hình thấp giáp biển nên rừng ngập mặn được trồng nhiều để ngăn mặn -> rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.

b) Rừng ngập mặn chủ yếu phòng hộ, không có nhiều gỗ quý chỉ có sù và đước ít có giá trị.

c) Diện tích rừng ngập mặn bị thu hẹp do chặt phá lấy diện tích nuôi tôm, biến đổi khí hậu nước biển dâng, cháy rừng ...

d) Rừng ngập mặn có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Câu 4:

Nội dung	Đúng	Sai
a) Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Mi-an- ma.	Đ	
b) Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng 337,6 USD, Mi-an- ma tăng 145,8 USD.	Đ	
c) Thu nhập bình quân đầu người Cam-pu-chia tăng 337,6 USD và tăng gấp 2,5 lần Mi-an-		S

ma.		
d) Tốc độ tăng trưởng của Cam-pu-chia 128%, Mi- an-ma 114 %.		S

a) Dựa vào biểu đồ

b) GDP Cam-pu-chia = 1528,5-1190,9= 337,6 USD

GDP Mi-an- ma =1285,8 - 1140 = 145,8 USD.

c) GDP Cam-pu-chia = 1528,5-1190,9 = 337,6 USD và 337,6,: 145,8 = 2,3 Lần.

d) Tốc độ tăng trưởng của Cam-pu-chia (1528,5:1190,9) x100 =128,3%.

Tốc độ tăng trưởng của Mi-an- ma (1285,8 : 1140) x100 = 112,8% USD.

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 1:

Đáp án:	2	,	8	
----------------	----------	----------	----------	--

NDTB năm của Hà Nội: (18,6+15,3+23,1+24,8+26,8+31,4+30,6+29,0+26,2+26+17,8): 12= 24,958

NDTB năm của Cà Mau: (27,1+27,9+28+28,7+28,6+28,7+27,9+27,8+27,4+27,7+26,7+26,6):12= 27,758

NDTB năm của Cà Mau - NDTB năm của Hà Nội = 27,758 -24,958 = 2,8⁰C

Câu 2.

Đáp án:	1	8	6	8
----------------	----------	----------	----------	----------

Cân bằng ẩm của Huế = Lượng mưa – lượng bốc hơi = 2868 – 1000 = 1868 (mm)

Câu 3.

Đáp án:	3	8		
----------------	----------	----------	--	--

Nhiệt độ giảm từ độ cao 500m đến độ cao

$$\frac{(2500 - 500).0,6}{100} = 12^{\circ}C$$

2500m:

Nhiệt độ tại đỉnh núi là: 25-12 = 13 °C

Nhiệt độ tăng từ đỉnh núi xuống chân núi sườn khuất gió là:

$$\frac{2500.1}{100} = 25^{\circ}C$$

Nhiệt độ tại chân núi sườn khuất gió là: 25 + 13 = 38 °C

Câu 4.

Đáp án:	1	1	8	
----------------	----------	----------	----------	--

Giá trị xuất khẩu hàng hóa của Đồng bằng Sông Hồng (35 X 336,1) : 100 ≈ 118 tỉ USD

Câu 5:

Đáp án:	6	0		
----------------	----------	----------	--	--

Năng suất lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ 7200,2 : 1198,7 = 6,006674 tấn/ha ≈ 60 tạ/ha

Câu 6.

Đáp án:	3	,	1	
----------------	----------	----------	----------	--

- Tỷ trọng diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là: (929,6 : 3131,1) x 100 = 29,68925 %.

- Tỷ trọng diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2015 là: (808,9 : 3045,0) x 100 = 26,56486 %.

- Tỷ trọng diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng lên: 29,68925 - 26,56486 ≈ 3,1

-----HẾT-----

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 MÔN: ĐỊA LÍ Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phần đất liền của lãnh thổ nước ta không tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan. B. Trung Quốc. C. Lào. D. Campuchia.

Câu 2. Ở nước ta, bão thường xảy ra mạnh nhất ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 3. Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

- A. Hạ Long. B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Biên Hòa. D. Cần Thơ.

Câu 4. Nguồn lao động ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lao động chiếm trên 50% dân số.
B. Lao động có tay nghề chuyên môn cao chiếm tỉ trọng lớn.
C. Cơ cấu lao động chủ yếu trong ngành nông nghiệp.
D. Lao động tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

Câu 5. Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.
B. lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.
C. dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.
D. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

Câu 6. Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất khu vực phía Nam nước ta hiện nay?

- A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Thác Bà. D. Yaly.

Câu 7. Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường bộ. B. đường hàng không. C. đường biển. D. đường sắt.

Câu 8. Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung. D. Tây Nguyên.

Câu 9. Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

- A. Khai thác và chế biến khoáng sản. B. Trồng cây công nghiệp, rau quả.
C. Phát triển chăn nuôi gia súc lớn. D. Phát triển kinh tế biển

Câu 10. Tỉnh nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng giáp biển?

- A. Hà Nội. B. Vĩnh Phúc. C. Bắc Ninh. D. Ninh Bình.

Câu 11. Duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn lợi hải sản phong phú nhờ điều kiện nào sau đây?

- A. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi. B. Biển có nhiều vịnh sâu, kín gió.
C. Đường bờ biển dài và nhiều đảo. D. Diện tích nước lợ, nước mặn lớn.

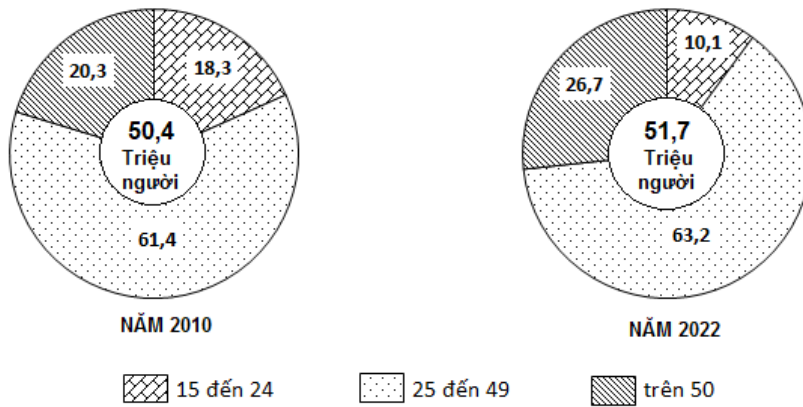
Câu 12. Hiện nay, Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về

- A. sản phẩm cây công nghiệp. B. nuôi trồng thủy sản.
C. trồng cây lương thực. D. phát triển thủy điện.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa?

- A. Do mưa nhiều và xâm thực mạnh.
B. Do lưu lượng nước bên ngoài đổ vào theo mùa.
C. Do mưa nhiều và phân mùa khí hậu.
D. Do chế độ nước sông phụ thuộc theo chế độ mùa.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Cơ cấu lao động trên 15 tuổi ở nước ta phân theo nhóm tuổi năm 2010 và năm 2022

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng lao động trên 50 tuổi ngày tăng 1,8%.
- B. Tỷ trọng lao động từ 25 đến 49 tuổi tăng 1,8%.
- C. Tỷ trọng lao động từ 15 đến 24 tuổi giảm 10%.
- D. Tỷ trọng lao động từ 15 đến 24 tăng 8,2%.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây đúng với xuất khẩu ở nước ta hiện nay?

- A. Tổng trị giá xuất khẩu qua các năm ngày càng giảm.
- B. Mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng phát triển.
- C. Thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.
- D. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng.

Câu 16. Thế mạnh tự nhiên để phát triển chăn nuôi gia súc ở Bắc Trung Bộ là

- A. có nhiều nhóm đất khác nhau, khí hậu phân hóa.
- B. nền nhiệt, ẩm cao, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. địa hình vùng đồi trước núi thuận lợi cho chăn nuôi.
- D. nguồn nước dồi dào, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 17. Khí hậu miền Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.
- B. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.
- C. Tín phong bán cầu Bắc với địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.
- D. gió hướng Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

Câu 18. Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh các giống lúa mới nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Giải quyết việc làm, tạo sinh kế bền vững cho người dân.
- B. Phát huy kinh nghiệm sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.
- C. Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai.
- D. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu thị trường.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Địa hình của miền chủ yếu là đồi núi và các cao nguyên, có nhiều dãy núi hướng Tây Bắc- Đông Nam. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh đã suy yếu. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng ẩm gió mùa. Ngoài ra, ở vùng núi cao có sự xuất hiện của các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- b) Trong miền, thành phần loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế với các kiểu rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, rừng trên núi đá vôi.
- c) Thực vật chính của miền là các cây họ dầu, sắn, lã, téch. Ở những nơi có mùa khô sâu sắc, kéo dài xuất hiện cây chịu hạn, rụng lá.
- d) Mùa đông lạnh đã suy yếu nước ta chủ yếu do sự bức chắn của các dãy núi.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Thị trường trong và ngoài nước được mở rộng đã thúc đẩy sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp. Nhiều sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đã đáp ứng được tiêu chuẩn toàn cầu, có mặt ở các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,...

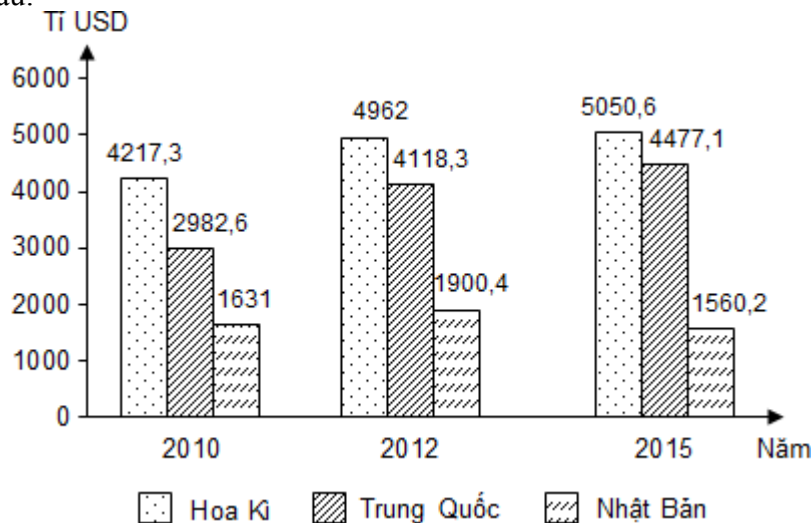
- Nông sản của Việt Nam đã xâm nhập được nhiều thị trường khó tính trên thế giới.
- Do quá trình khu vực hóa nên thị trường nông sản của nước ta ngày càng mở rộng.
- Việc mở rộng thị trường làm cho diện tích các cây trồng hàng hóa nước ta gần đây mở rộng rất nhanh.
- Khó khăn lớn nhất của yếu tố thị trường đối với nông sản nước ta là yêu cầu về chất lượng sản phẩm rất cao.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội nhưng cần đặt vấn đề khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ tự nhiên vì những lý do:

- Là đồng bằng rộng lớn, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.
- Là vùng trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm, nuôi trồng thủy sản của cả nước.
- Sử dụng hợp lý tự nhiên ở ĐBSCL nhằm phát huy thế mạnh về tự nhiên như đồng bằng rộng lớn, khí hậu cận XĐ, chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp lâu năm.
- Sử dụng hợp lý tự nhiên góp phần bảo vệ MT, đa dạng sinh học, ứng phó BĐKH, hạn chế thiên tai, phát triển bền vững.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Xuất nhập khẩu của một số quốc gia qua các năm

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê)

- Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm liên tục qua các năm.
- Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc luôn cao hơn của Hoa Kỳ.
- Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2015 cao hơn Nhật Bản 2 lần.
- Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ từ năm 2010- 2015 tăng gần 120%.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội (Trạm Hà Nội)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB thống kê, 2022)

Căn cứ vào bản số liệu trên tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu °C? (kết quả làm tròn đến một chữ số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI (TRẠM HÀ NỘI)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

Căn cứ vào bản số liệu trên tính lượng mưa trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu mm? (kết quả làm tròn đến một chữ số thập phân)

Câu 3. Năm 2021, nước ta có tỉ suất sinh thô là 15,7‰, tỉ suất chết thô là 6,4‰. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân)

Câu 4. Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 660,5 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu là 336,1 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5. Năm 2021, sản lượng lúa của nước ta là 43,9 triệu tấn, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương lúa bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 - 2021

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	2010	2021
Tổng	14,3	13,4	14,7
Rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,1
Rừng trồng	0	3,1	4,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI**PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.****BẢNG ĐÁP ÁN**

1.A	2.C	3.B	4.A	5.D	6.D	7.C	8.C	9.D
10.D	11.A	12.A	13.D	14.B	15.C	16.C	17.D	18.C

Câu 1. Chọn A.

Thái Lan không giáp với Việt Nam.

Câu 2. Chọn C.

Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung nơi có tần suất bão lớn nhất nước ta đặc biệt là tiểu vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Chọn B.

Thành Phố Hồ Chí Minh là một trong hai đô thị đặc biệt.

Câu 4. Chọn A.

Lao động chiếm trên 50% dân số nước ta (năm 2021 chiếm đến 50,6 triệu người).

Câu 5. Chọn D.

Đồng bằng là nơi sản xuất lương thực thực phẩm và có đông dân nên sẽ thuận lợi cho việc cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi lợn đồng thời nhu cầu sử dụng nhiều sức mua lớn.

Câu 6. Chọn D.

Yaly là nhà máy có công suất lớn của khu vực phía Nam

Câu 7. Chọn C.

Đường biển có khối lượng luân chuyển lớn nhất.

Câu 8. Chọn C.

Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung có nhiều di sản vật thể thế giới như thánh địa Mỹ Sơn, Cố đô Huế.

Câu 9. Chọn D.

Vùng không thể phát triển kinh tế biển vì không giáp biển.

Câu 10. Chọn D.

Quảng Ninh có Vịnh Hạ Long.

Câu 11. Chọn A.

Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật biển.

Câu 12. Chọn A.

Sản phẩm cây công nghiệp có sản lượng lớn nhất nước.

Câu 13. Chọn D.

Do chế độ nước sông phụ thuộc chế độ mưa nguồn cung cấp nước chủ yếu là từ nước mưa.

Câu 14. Chọn B.

Tỉ trọng lao động từ 25 đến 49 tuổi tăng $63,2 - 61,4 = 1,8\%$.

Câu 15. Chọn C.

Thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa đặc biệt từ khi gia nhập WTO.

Câu 16. Chọn C.

Địa hình vùng đồi trước núi thuận lợi cho chăn nuôi với nhiều đồng cỏ.

Câu 17. Chọn D.

Gió hướng Tây Nam, Tín Phong bắc bán cầu và hướng địa hình là nguyên nhân gây ra mùa mưa và mùa khô của Nam Bộ.

Câu 18. Chọn C.

Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai với các giống lúa chịu hạn, chịu mặn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.**Câu 1.**

Nội dung	Đúng	Sai
a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.	Đ	
b) Trong miền, thành phần loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế với các kiểu rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, rừng trên núi đá vôi.		S
c) Thực vật chính của miền là các cây họ dầu, sắn, lẻ, téch. Ở những nơi có mùa khô sâu sắc, kéo dài xuất hiện cây chịu hạn, rụng lá.		S
d) Mùa đông lạnh đã suy yếu nước ta chủ yếu do sự bức chắn của các dãy núi.	Đ	

a) Hướng núi đặc trưng của miền là Tây Bắc- Đông Nam.

b) Rừng trên núi đá vôi không chủ yếu ở miền này.

c) Ở những nơi có mùa khô sâu sắc, kéo dài xuất hiện cây chịu hạn, rụng lá của miền Nam.

d) do bức chắn của dãy Hoàng Liên Sơn và Hoàng Sơn nên gió Đông Bắc đã suy yếu.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Nông sản của Việt Nam đã xâm nhập được nhiều thị trường khó tính trên thế giới.	Đ	
b) Do quá trình khu vực hóa nên thị trường nông sản của nước ta ngày càng mở rộng.		S
c) Việc mở rộng thị trường làm cho diện tích các cây trồng hàng hóa nước ta gần đây mở rộng rất nhanh.		S
d) Khó khăn lớn nhất của yếu tố thị trường đối với nông sản nước ta là yêu cầu về chất lượng sản phẩm rất cao		S

a) Thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU là thị trường lớn và kiểm soát chặt chẽ.

b) Do quá trình toàn cầu hóa nên thị trường mở rộng.

c) Việc tăng diện tích rất nhanh là chưa đúng.

d) Sản phẩm của nước ta đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu nên không còn là khó khăn lớn nhất.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Là đồng bằng rộng lớn, có vị trí, vai trò lược đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước	Đ	

b) Là vùng trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm, nuôi trồng thủy sản của cả nước.	Đ	
c) Sử dụng hợp lý tự nhiên ở ĐBSCL nhằm phát huy thế mạnh về tự nhiên như đồng bằng rộng lớn, khí hậu cận XD, chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp lâu năm.		S
d) Sử dụng hợp lý tự nhiên góp phần bảo vệ MT, đa dạng sinh học, ứng phó BĐKH, hạn chế thiên tai, phát triển bền vững.	Đ	

- a) Là đồng bằng lớn nhất nước, vai trò vựa lúa lớn nhất nước ta.
b) Là vùng chuyên canh sản xuất lương thực thực phẩm và thủy sản lớn.
c) Gia súc và cây công nghiệp lâu năm không phải thế mạnh của vùng.
d) Vì vùng chịu ảnh hưởng nặng của biến đổi khí hậu.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm liên tục qua các năm.	S	
b) Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc luôn cao hơn của Hoa Kỳ.	S	
c) Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2015 cao hơn Nhật Bản 3,3 lần.		Đ
d) Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ từ năm 2010- 2015 tăng gần 120%		Đ

- a) Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm liên tục qua các năm là không đúng vì tăng qua các năm.
b) Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc luôn thấp hơn của Hoa Kỳ.
c) Giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2015 cao hơn Nhật Bản 3,3 lần.
d) Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ từ năm 2010- 2015 tăng gần 120%.

PHẦN III. Trả lời ngắn**Câu 1.**

Đáp án:	2	3	,	5
---------	---	---	---	---

Nhiệt độ các tháng cộng lại chia 12 tháng

Câu 2.

Đáp án:	1	3	9	
---------	---	---	---	--

Nhiệt độ các tháng cộng lại chia 12 tháng.

Câu 3.

Đáp án:	0	,	9	3
---------	---	---	---	---

Tỉ suất sinh thô - Tỉ suất tử thô
 $15,7\% - 6,4\% = 9,3\%$ (đổi sang thành 0,93%).

Câu 4.

Đáp án:	4	9	,	5
---------	---	---	---	---

- Tính tỉ trọng XK = Giá trị XK x100/ Tổng giá trị
 $(336,1 \times 100) / 660,5 = 50,5\%$
- Tỉ trọng NK = 100% - tỉ trọng XK
 $100 - 50,5 = 49,5$

Câu 5.

Đáp án:	4	4	5
---------	---	---	---

Sản lượng / số dân
 $43,9 \text{ triệu tấn} / 98,5 \text{ triệu người} = 0,445 \text{ tấn/ người}$ (đổi ra = 445 kg/ người)

Câu 6.

Đáp án:	8	,	2
---------	---	---	---

- Tính tỉ trọng rừng trồng = GT rừng trồng x100 / Tổng diện tích rừng
+ Tỉ trọng rừng trồng năm 2010 = $(3,1 \times 100) / 13,4 = 23,1\%$

+ Tỷ trọng rừng trồng năm 2021 = $(4,6 \times 100) / 14,7 = 31,3$

- Tỷ lệ năm sau trừ tỷ lệ năm trước: $31,3 - 23,1 = 8,2 \%$

ĐỀ 3**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025****MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề***PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phía Tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 2. Những kiểu thời tiết đặc biệt nào sau đây thường xuất hiện vào mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta?

- A. Sương mù và mưa phùn. B. Mưa tuyết và mưa rào.
C. Mưa đá, dông, lốc xoáy. D. Hạn hán và lốc xoáy.

Câu 3. Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị thuộc trung ương?

- A. Hạ Long. B. Thành phố Vinh. C. Biên Hòa. D. Cần Thơ.

Câu 4. Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỷ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

- A. Đồng bằng. B. Cao nguyên. C. Thành thị. D. Nông thôn.

Câu 5. Nguồn thức ăn chủ yếu cho chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay là từ

- A. phụ phẩm thủy sản. B. công nghiệp chế biến.
C. sản xuất thực phẩm. D. sản xuất lương thực.

Câu 6. Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất khu vực phía Bắc nước ta hiện nay?

- A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Tuyên Quang. D. Yaly

Câu 7. Quốc lộ 1 không đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 8. Phần lớn các lễ hội văn hóa nước ta diễn ra vào

- A. cuối năm dương lịch. B. đầu năm âm lịch.
C. giữa năm dương lịch. D. giữa năm âm lịch.

Câu 9. Trung du và miền núi Bắc Bộ hình thành được các vùng chuyên canh chè quy mô lớn chủ yếu do

- A. địa hình đồi núi, đất feralit giàu dinh dưỡng. B. nguồn nước dồi dào.
C. địa hình nhiều đồi núi và có mùa đông lạnh. D. các cao nguyên lớn.

Câu 10. Tỉnh nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng không giáp biển?

- A. Hải Phòng. B. Vĩnh Phúc. C. Bắc Ninh. D. Ninh Bình.

Câu 11. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho dịch vụ hàng hải ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nhanh trong thời gian gần đây?

- A. Gần đường hàng hải quốc tế. B. Kinh tế tăng trưởng nhanh.
C. Nhiều vịnh biển sâu, kín gió. D. Chất lượng lao động nâng lên.

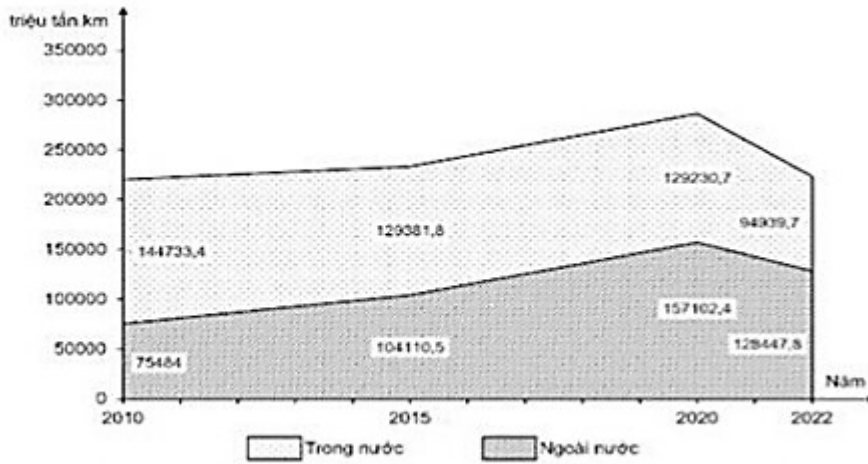
Câu 12. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển thủy điện là

- A. địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống sông với lưu lượng nước lớn.
B. khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.
C. có các hệ thống sông với lưu lượng nước lớn, sông có nhiều thác ghềnh.
D. tài nguyên rừng giàu có, khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao, ẩm lớn.

Câu 13. Sông ngòi nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phần lớn sông đều dài dốc và dễ bị lũ lụt.
B. Có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.
C. Lượng nước phân bố đồng đều ở các hệ thống sông.
D. Phần lớn sông chảy theo hướng đông nam - tây bắc.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo khu vực vận tải của nước ta, giai đoạn 2010 – 2022

- A. Khối lượng hàng hóa luân chuyển hàng hóa trong nước giảm liên tục.
- B. Khối lượng hàng hóa luân chuyển hàng hóa ngoài nước tăng liên tục.
- C. Cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển trong ngoài nước không có sự thay đổi.
- D. Khối lượng hàng hóa luân chuyển hàng hóa trong nước giảm từ năm 2020 – 2022.

Câu 15. Nước ta xuất khẩu hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chủ yếu dựa vào

- A. nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguyên liệu phong phú.
- B. lợi thế về nguyên liệu và nguồn lao động trong nước.
- C. nhu cầu của thị trường và trình độ lao động người dân.
- D. chính sách của Nhà nước và nguồn nguyên liệu sẵn có.

Câu 16. Mục đích chủ yếu phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo nông sản xuất khẩu, phát huy thế mạnh.
- B. mở rộng sản xuất, nâng cao mức sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. tạo sản phẩm hàng hoá, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của vùng.
- D. thu hút nguồn đầu tư, tạo nhiều việc làm, mở rộng phân bố sản xuất.

Câu 17. Nhân tố khí hậu nào sau đây không thể hiện rõ sự khác biệt giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam nước ta?

- A. tổng lượng bức xạ, cân cân bức xạ Mặt Trời.
- B. tổng số giờ nắng, tổng nhiệt hoạt động năm.
- C. nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm.
- D. lượng mưa trung bình năm, cân bằng độ ẩm.

Câu 18. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.
- B. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
- C. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và cho sản xuất.
- D. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 - 700m ở miền Bắc và dưới 900 - 1000 m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

- a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.
- b) Có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.
- c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lý và hoạt động của gió mùa hạ.
- d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Thị trường trong nước lớn và đa dạng, nhu cầu ngày càng tăng, thúc đẩy nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng các loại hình dịch vụ. Thị trường có tính cạnh tranh cao thúc đẩy các ngành dịch vụ đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng. Thị trường bên ngoài ngày càng mở rộng đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế của các hoạt động dịch vụ của nước ta.

a) Các doanh nghiệp trong nước ở nước ta trong các lĩnh vực dịch vụ như bán buôn bán lẻ, viễn thông...chịu sức ép cạnh tranh từ các đối thủ trên thế giới.

b) Nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước là điều kiện để đa dạng các loại hình dịch vụ, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

c) Nước ta đông dân, chất lượng cuộc sống cao giúp các ngành phát triển ổn định, tránh phụ thuộc vào bên ngoài.

d) Giải pháp để đối mặt với sự cạnh tranh từ bên ngoài đối với ngành dịch vụ là cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng giá bán các sản phẩm dịch vụ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

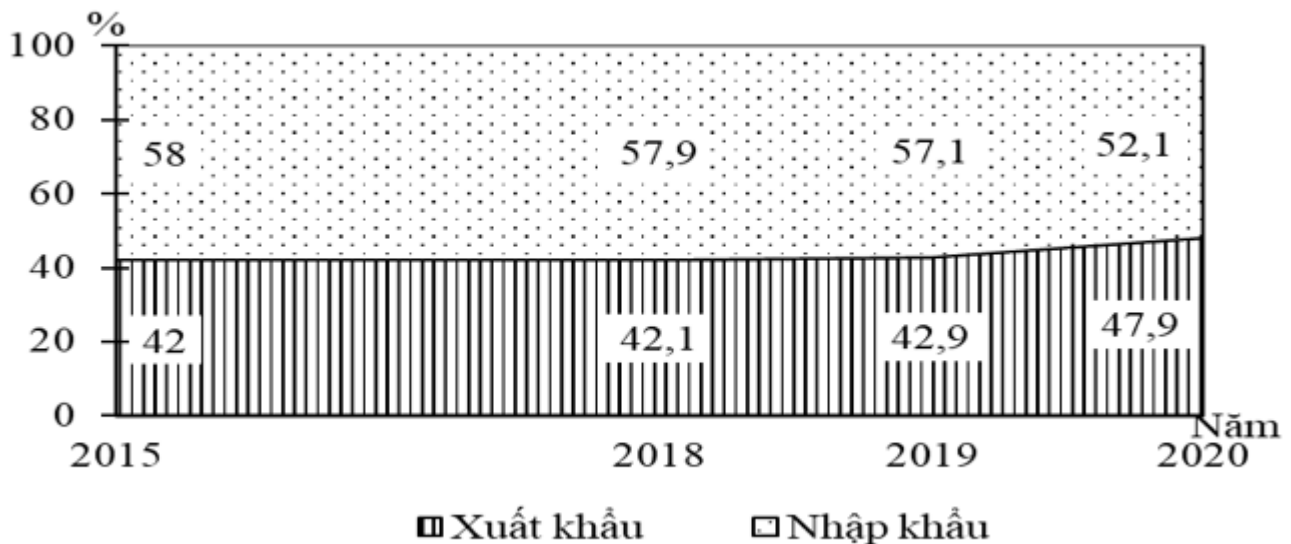
Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ rộng lớn nhất nước ta, được bồi tụ phù sa bởi hệ thống sông Mê Công và phù sa biển. Vùng có quỹ đất lớn với các nhóm đất chính: nhóm đất phù sa sông phân bố ven sông Tiền, sông Hậu; nhóm đất phèn ở vùng Đồng Tháp Mười, vùng trũng Cà Mau,...; nhóm đất mặn ở ven biển.

a) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên nhỏ hơn Đồng bằng sông Hồng.

b) Điều kiện địa hình và đất đai đã tạo thuận lợi cho sản xuất lương thực quy mô lớn.

c) Vùng Đồng Tháp Mười nhóm đất phèn chiếm diện tích lớn do địa hình trũng thấp.

d) Vào mùa khô gia tăng xâm nhập mặn vào đất liền chủ yếu do địa hình thấp, ba mặt giáp biển.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:**XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA, GIAO ĐOẠN 2015-2020.**

a) Campuchia từ giai đoạn 2025-2020 vẫn luôn là nước xuất siêu.

b) Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của Campuchia giai đoạn 2015-2020 tăng liên tục.

c) Tỷ trọng giá trị nhập khẩu của Campuchia giai đoạn 2015-2020 tăng liên tục.

d) Campuchia từ giai đoạn 2025-2020 vẫn luôn là nước nhập siêu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

Nội (Láng)												
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội (Trạm Hà Nội)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

Căn cứ vào bản số liệu trên tính tổng lượng mưa trong năm của Hà Nội là bao nhiêu mm? (kết quả làm tròn đến một chữ số thập phân)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Câu 5. Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2021 là 7,2 triệu ha, sản lượng là 43,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu sử dụng đất năm 2000 và 2020 của nước ta

(Đơn vị: %)

Năm	2000	2020
Đất nông nghiệp	30,5	35,3
Đất lâm nghiệp	46,4	46,5
Đất chuyên dùng và đất ở	7,4	8,3
Đất chưa sử dụng	15,7	9,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Cho biết năm 2020 tỉ trọng đất lâm nghiệp của nước ta cao gấp bao nhiêu lần đất chưa sử dụng? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

.....HẾT.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

BẢNG ĐÁP ÁN

1.C	2.A	3.D	4.C	5.B	6.A	7.B	8.B	9.C
10.B	11.A	12.C	13.B	14.D	15.B	16.A	17.D	18.B

Câu 1. Chọn C.

Phía Tây giáp Lào và Campuchia, Phía bắc giáp Trung Quốc.

Câu 2. Chọn A.

Vào cuối mùa đông do chịu ảnh hưởng của gió đông bắc nên có sương mù và mưa phùn.

Câu 3. Chọn D.

Cần Thơ là một trong những thành phố thuộc trung ương của nước ta.

Câu 4. Chọn C.

Thành thị lao động tập trung đông đúc một bộ phận đô thị hóa tự phát nên tỉ lệ thất nghiệp cao.

Câu 5. Chọn B.

Chăn nuôi trang trại qui mô lớn nên cần lượng thức ăn chủ động từ công nghiệp chế biến.

Câu 6. Chọn A.

Nhà máy Sơn La hiện nay lớn nhất nước ta với công suất 2400MW.

Câu 7. Chọn B.

Quốc lộ 1 đi từ Hữu Nghị (Lạng Sơn) – Năm Căn (Cà Mau) đi qua các vùng kinh tế trù Tây Nguyên.

Câu 8. Chọn B.

Lễ hội thường diễn ra vào đầu mùa xuân trùng với đầu năm âm lịch.

Câu 9. Chọn C.

Chè là cây công nghiệp cận nhiệt ưa khí hậu lạnh.

Câu 10. Chọn B.

Vĩnh Phúc tỉnh nằm ở phía Tây của vùng sâu trong lục địa nên không giáp biển.

Câu 11. Chọn A.

Nam Trung Bộ nằm gần đường hàng hải quốc tế

Câu 12. Chọn C.

Sông nhiều nước có nhiều thác ghềnh thích hợp xây dựng các nhà máy thủy điện.

Câu 13. Chọn B.

Sông ngòi nước ta dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa và có chế độ nước theo mùa.

Câu 14. Chọn D.

Khối lượng hàng hóa luân chuyển hàng hóa trong nước giảm từ năm 2020 – 2022 (129230,7 giảm xuống còn 94939,7).

Câu 15. Chọn B.

Nguồn nguyên liệu dồi dào trong nước, dân cư đông nên lao động dồi dào

Câu 16. Chọn A.

Thay đổi cơ cấu kinh tế mở rộng kinh tế biển, đồng thời tạo nông sản xuất khẩu từ đó phát huy thế mạnh của 6 tỉnh giáp biển.

Câu 17. Chọn D.

Lượng mưa phân bố phụ thuộc nhiều yếu tố nên không thể hiện rõ sự phân hóa Bắc Nam.

Câu 18. Chọn B.

Do địa hình thấp mùa khô 2/3 diện tích đồng bằng sông Cửu Long bị nhiễm mặn và phèn nên cần nước ngọt để thau chua rửa mặn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.		S
b) Có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.		S
c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lý và hoạt động của gió mùa hạ.	Đ	
d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.	Đ	

a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.

b) Đai cận nhiệt đới không thể là sinh vật ôn đới.

- c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lí và hoạt động của gió mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 10.
 d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu và đỉnh chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Các doanh nghiệp trong nước ở nước ta trong các lĩnh vực dịch vụ như bán buôn bán lẻ, viễn thông...chịu sức ép cạnh tranh từ các đối thủ trên thế giới.	Đ	
b) Nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước là điều kiện để đa dạng các loại hình dịch vụ, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.	Đ	
c) Nước ta đông dân, chất lượng cuộc sống cao giúp các ngành phát triển ổn định, tránh phụ thuộc vào bên ngoài.		S
d) Giải pháp để đối mặt với sự cạnh tranh từ bên ngoài đối với ngành dịch vụ là cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng giá bán các sản phẩm dịch vụ.		S

- a) Các doanh nghiệp bán lẻ chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các tập đoàn trên thế giới.
 b) Nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước là sức hấp dẫn đối với thu hút vốn đầu tư nước ngoài từ đó phát triển đa dạng loại hình.
 c) Chất lượng cuộc sống chưa cao so với thế giới và khu vực.
 d) Tăng giá không phải là giải pháp để có thể cạnh tranh.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên nhỏ hơn Đồng bằng sông Hồng.		S
b) Điều kiện địa hình và đất đai đã tạo thuận lợi cho sản xuất lương thực quy mô lớn.	Đ	
c) Vùng Đồng Tháp Mười nhóm đất phèn chiếm diện tích lớn do địa hình trũng thấp	Đ	
d) Vào mùa khô gia tăng xâm nhập mặn vào đất liền chủ yếu do địa hình thấp, ba mặt giáp biển	Đ	

- a) Đồng bằng sông Cửu Long rộng hơn 40.000 km² lớn hơn đồng bằng sông Hồng.
 b) Là vùng có diện tích đất rộng, đất phù sa màu mỡ thích hợp cho sản xuất lương thực.
 c) Vùng Đồng Tháp Mười là một trong những vùng trũng có diện tích đất phèn chiếm lớn.
 d) Vào mùa khô nước ngọt cạn kiệt gia tăng xâm nhập mặn vào đất liền chủ yếu do địa hình thấp, ba mặt giáp biển làm cho 2/3 diện tích bị nhiễm mặn và phèn.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Campuchia từ giai đoạn 2015-2020 vẫn luôn là nước xuất siêu.		S
b) Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của Campuchia giai đoạn 2015-2020 tăng liên tục.	Đ	
c) Tỷ trọng giá trị nhập khẩu của Campuchia giai đoạn 2015-2020 tăng liên tục.		S
d) Campuchia từ giai đoạn 2025-2020 vẫn luôn là nước nhập siêu	Đ	

- a) Tỷ trọng giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn tỷ trọng giá trị xuất khẩu nên Campuchia nhập siêu không phải xuất siêu
 b) Tỷ trọng giá trị xuất khẩu tăng từ 42 – 47,9 % và tăng liên tục
 c) Tỷ trọng giá trị nhập khẩu giảm từ 58 – 52,1 % và giảm liên tục
 d) Tỷ trọng giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn tỷ trọng giá trị xuất khẩu vậy nên luôn nhập siêu.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

Câu 1.

Đáp án:	1	4	,	0
---------	----------	----------	----------	----------

Tính biên độ nhiệt của Hà Nội: 31,4 -15,3 =16,1
 Tính biên độ nhiệt của Cà Mau: 28,7 -26,6 =2,1
 Biên độ nhiệt của Hà Nội cao hơn của Cà Mau: 16,1 -2,1 = 14

Câu 2.

- A. địa hình đồi núi, đất feralit giàu dinh dưỡng. B. nguồn nước dồi dào.
C. địa hình nhiều đồi núi và có mùa đông lạnh. D. các cao nguyên lớn.

Câu 10. Tỉnh nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng có di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. C. Bắc Ninh. D. Ninh Bình.

Câu 11. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.
B. tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.
C. góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.
D. thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

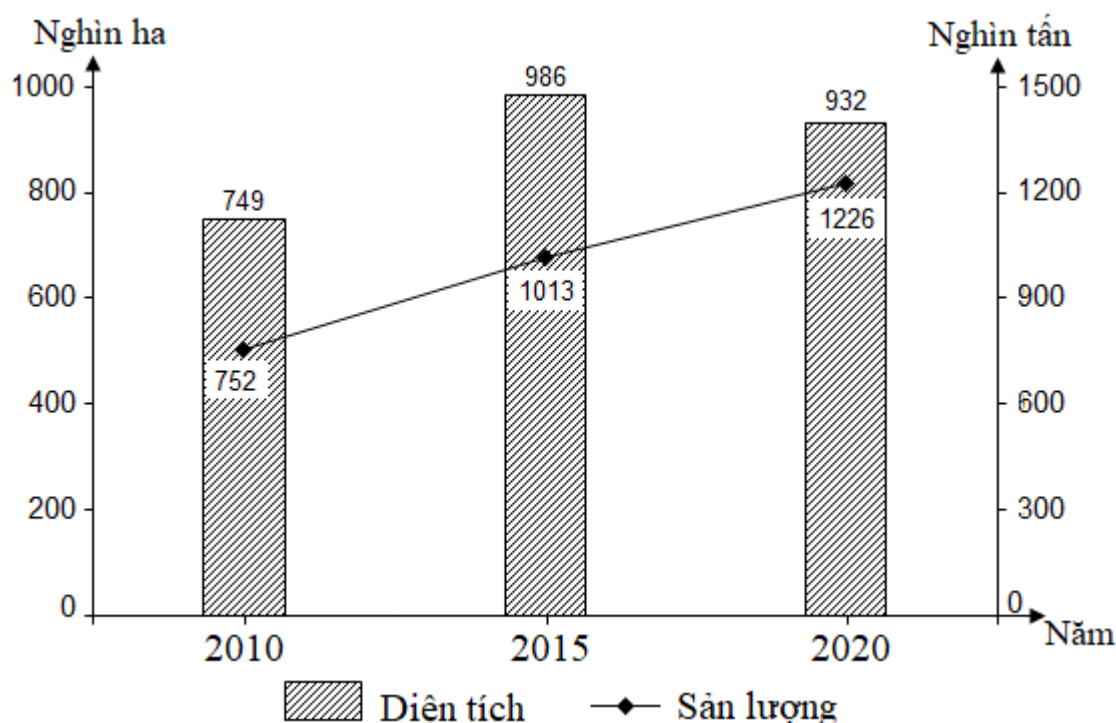
Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng với sản xuất cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Là vùng có diện tích lớn ở nước ta. B. Cao su, điều, hồ tiêu là cây chủ lực.
C. Phát triển nhiều vùng chuyên canh. D. Hầu hết sản phẩm dùng trong nước.

Câu 13. Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. B. Tích tụ ôxit sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất ba-dơ. D. Tích tụ ôxit nhôm Al_2O_3 .

Câu 14. Cho biểu đồ



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2020

Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Sản lượng cao su không ổn định qua các năm.
B. Diện tích cao su tăng liên tục qua các năm.
C. Từ năm 2010 đến 2020 sản lượng cao su tăng 484 nghìn tấn cao su.
D. Năm 2020 năng suất cao su của nước ta đạt 13 tạ/ha.

Câu 15. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta phân bố chủ yếu dựa vào

- A. thị trường tiêu thụ, nguồn lao động. B. vùng nguyên liệu, cơ sở năng lượng.
C. vùng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ. D. phân bố dân cư, giao thông vận tải.

Câu 16. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản ở Bắc Trung Bộ?

- A. Không có các ngư trường lớn, hệ thống các cảng cá còn nhỏ.
B. Nguồn lợi suy giảm, phương tiện đánh bắt xa bờ còn hạn chế.
C. Môi trường một số nơi ô nhiễm, còn tập quán đánh bắt gần bờ.
D. Nguồn vốn đầu tư còn nhỏ, việc chế biến chưa đáp ứng nhu cầu.

Câu 17. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho nhiệt độ trung bình vào mùa đông ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc?

- A. Thực vật suy giảm. B. Gió phơn Tây Nam.
C. Hướng các dãy núi. D. Có vĩ độ thấp hơn.

Câu 18. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.
B. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
C. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và cho sản xuất.
D. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa. Thành phần thực vật và động vật phần lớn thuộc vùng khí hậu Xích đạo và nhiệt đới có nguồn gốc ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a di cư lên hoặc từ Ấn Độ, Mi-an-ma di cư sang.

- a) Đây là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta.
b) Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế do đặc điểm về khí hậu quy định.
c) Các loài thực vật có nhiều loài rụng lá theo mùa, khả năng chịu hạn tốt chủ yếu có nguồn gốc từ phương Bắc xuống.
d) Xuất hiện nhiều loài thú có lông dày do khí hậu nóng quanh năm, phân mùa mưa khô rõ rệt, mùa khô kéo dài.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngoại thương bao gồm hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, được phát triển mạnh ở nước ta trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu của nước ta đang chuyển dịch theo chiều sâu: tăng tỉ trọng xuất khẩu các mặt hàng chế biến sâu, có hàm lượng khoa học và giá trị gia tăng cao; tăng tỉ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị hiện đại từ các nước có nền kinh tế phát triển.

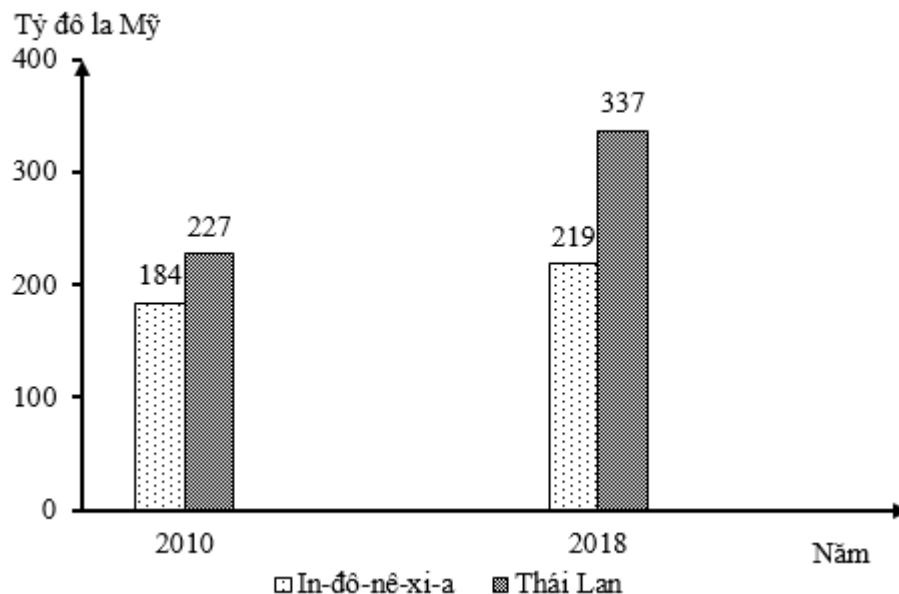
- a) Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu ít có sự chuyển dịch.
b) Giá trị nhập khẩu nước ta tăng liên tục.
c) Thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là EU.
d) Hoạt động xuất khẩu thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Tính từ cuối năm 2015 đến nay, nhiều địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long đã bị nhiễm mặn, trong đó đã có 11/13 tỉnh/thành công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn. Những thay đổi nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Kông hay những tác động khác như nhiệt độ tăng, nước biển dâng, lũ lụt, khô hạn, xâm nhập mặn và xói lở đất,... đã làm cho vùng này đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức. Dưới tác động đó, Đồng bằng sông Cửu Long ước tính hàng trăm nghìn ha đất khô hạn, sản lượng lương thực và năng suất cây trồng có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu.
b) Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do tình trạng nhiễm mặn.
c) Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu.
d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Câu 4. Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan năm 2010 và 2018

- In-đô-nê-xi-a tăng và Thái Lan giảm.
- In-đô-nê-xi-a năm 2010 cao gấp hai lần Thái Lan.
- Thái Lan năm 2018 tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a 118 Tỷ đô la Mỹ.
- Thái Lan từ năm 2010 đến 2018 đã tăng 220 Tỷ đô la Mỹ.

PHẦN III. Trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tháng mưa nhiều nhất ở Vinh năm 2022 gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết Vũng Tàu và Hà Đông có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết số lượng người lao động cần giải quyết việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch của nước ta, giai đoạn 2015 - 2022

(Đơn vị: Triệu lượt người)

Năm	Khách nội địa	Khách quốc tế
2015	102,1	11,8
2017	132,8	13,7

2019	162,1	17,3
2022	101,3	3,7

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết, số lượt khách quốc tế năm 2022 so với năm 2015 của nước ta giảm đi nhiều hơn số lượt khách nội địa bao nhiêu triệu lượt khách? (làm tròn đến 1 chữ số thập phân của triệu lượt người)

Câu 5. Sản lượng thủy sản nước ta năm 2022 là 9,1 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng nuôi trồng chiếm 56,0 %. Hãy tính sản lượng khai thác thủy sản năm 2022 đạt bao nhiêu triệu tấn? (làm tròn đến kết quả đến hàng đơn vị của triệu tấn)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta giai đoạn 2018 – 2021

(Đơn vị: Nghìn m³)

Năm	2018	2019	2020	2021
Trung du và miền núi Bắc Bộ	4087,8	4315,1	4419,3	4847,9
Tây Nguyên	685,7	699,3	712,0	753,7
Đồng bằng sông Cửu Long	800,5	801,8	805,9	797,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Hãy tính sản lượng gỗ của Tây Nguyên năm 2021 so với Trung du miền núi Bắc Bộ chênh lệch bao nhiêu lần? (làm tròn đến kết quả đến hàng chữ số thập phân thứ nhất)

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

BẢNG ĐÁP ÁN

1.A	2.C	3.A	4.D	5.C	6.B	7.B	8.B	9.C
10.B	11.A	12.D	13.C	14.D	15.C	16.B	17.C	18.B

Câu 1. Chọn A.

Vị trí địa lý Việt Nam nằm khu vực Đông Nam Á gần liền lục địa Á- Âu.

Câu 2. Chọn C.

Địa hình bị xâm thực sẽ chia cắt, rửa trôi nhiều nơi trơ sỏi đá.

Câu 3. Chọn A.

Đà Nẵng là thành phố giáp biển ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Câu 4. Chọn D.

Nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp nên thời gian nông nhàn nhiều không có nhiều việc để làm nên tỉ lệ thiếu việc làm sẽ cao hơn.

Câu 5. Chọn C.

Hai đồng bằng có nhiều lương thực nên thuận lợi cho nuôi lợn và gia cầm nhiều.

Câu 6. Chọn B.

Nhà máy điện gió phát triển ở nhiều vùng cụ thể như ở Ninh Thuận, Bạc Liêu, Bến Tre.

Câu 7. Chọn B.

Điểm kết thúc của quốc lộ 1 là Cà Mau.

Câu 8. Chọn B.

Theo phân loại trung tâm du lịch thì Hà Nội là trung tâm du lịch lớn nhất phía Bắc.

Câu 9. Chọn C.

Cây chè là cây cận nhiệt ưa lạnh mà vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có một mùa đông lạnh nên thích hợp trồng chè.

Câu 10. Chọn B.

Quảng Ninh có Vịnh Hạ Long theo qui định phân vùng kinh tế hiện nay tỉnh Quảng Ninh thuộc Đồng bằng sông Hồng.

Câu 11. Chọn A.

Phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản giúp tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu và tạo việc làm cho người dân trong vùng.

Câu 12. Chọn D.

Sản phẩm cây công nghiệp của vùng không chỉ cung cấp nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Câu 13. Chọn C.

Vì rửa trôi các chất ba – đơ nên đất bị chua do mất tính chất kiềm.

Câu 14. Chọn D.

Sản lượng chia cho diện tích (1226 nghìn ha : 932 nghìn tấn) = 1,3 tấn/ ha (đổi 13 tạ/ha)

Câu 15. Chọn C.

Để đảm bảo độ tươi sống nên ngành chế biến thực phẩm phải phân bố gần nguồn nguyên liệu và gần thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng nhu cầu.

Câu 16. Chọn B.

Nhằm phát triển ngành khai thác cần đầu tư phương tiện đánh bắt vì gần bờ thủy sản đã cạn kiệt.

Câu 17. Chọn C.

Đông Bắc là sườn đón gió mùa mùa đông (Đông Bắc) nên lạnh hơn vào mùa đông so với Tây Bắc sườn khuất gió.

Câu 18. Chọn B.

Vào mùa khô 2/3 diện tích của đồng bằng bị nhiễm mặn và phèn vì vậy cần nước ngọt để rửa mặn, rửa phèn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đây là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta.		S
b) Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế do đặc điểm về khí hậu quy định.	Đ	
c) Các loài thực vật có nhiều loài rụng lá theo mùa, khả năng chịu hạn tốt chủ yếu có nguồn gốc từ phương Bắc xuống.		S
d) Xuất hiện nhiều loài thú có lông dày do khí hậu nóng quanh năm, phân mùa mưa khô rõ rệt, mùa khô kéo dài.		S

a) Đây là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Nam với vị trí cận xích đạo.

b) Thành phần sinh vật do đặc điểm khí hậu quy định vì khí hậu ảnh hưởng đến đất đai và sinh vật.

c) Các loài thực vật có nhiều loài rụng lá theo mùa, khả năng chịu hạn tốt chủ yếu có nguồn gốc từ phương Nam lên.

d) Xuất hiện nhiều loài thú có lông dày là đặc điểm của sinh vật lãnh thổ phía Bắc.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu ít có sự chuyển dịch.		S
b) Giá trị nhập khẩu nước ta tăng liên tục.	Đ	
c) Thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là EU.		S
d) Hoạt động xuất khẩu thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.	Đ	

a) Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển dịch theo chiều sâu.

b) Giá trị nhập khẩu nước ta tăng liên tục nước ta vẫn là nước nhập siêu nhưng chủ yếu nhập về để sản xuất.

c) Thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta châu Á Thái Bình Dương, Bắc Mỹ, EU.

d) Hoạt động xuất khẩu thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ thay đổi giữa các vùng, trong và ngoài nước.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu.	Đ	
b) Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do tình trạng nhiễm mặn		S
c) Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu.	Đ	

d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.	Đ	
--	----------	--

- a) Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu của nước ta.
- b) Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhanh do sự khai thác của con người, chuyển đổi mục đích sử dụng.
- c) Nước biển dâng cao là một trong những nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn sâu vì địa hình thấp nước biển xâm nhập sâu vào đất liền đặc biệt vào mùa khô.
- d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi để đảm bảo nước tưới đặc biệt vào mùa khô, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp với những loại giống mới có khả năng chịu được đất mặn và phèn.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) In-đô-nê-xi-a tăng và Thái Lan giảm.		S
b) In-đô -nê-xi-a năm 2010 cao gấp hai lần Thái Lan.		S
c) Thái Lan năm 2018 tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a 118 Tỷ đô la Mỹ.	Đ	
d) Thái Lan từ năm 2010 đến 2018 đã tăng 220 Tỷ đô la Mỹ.		S

- a) Cả 2 nước đều tăng không có giảm.
- b) In-đô -nê-xi-a năm 2010 thấp hơn Thái Lan.
- c) Thái Lan năm 2018 tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a 118 Tỷ đô la Mỹ.
- d) Thái Lan từ năm 2010 đến 2018 đã tăng 210 Tỷ đô la Mỹ.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn**Câu 1.**

Đáp án:	4	2	,	6
----------------	----------	----------	----------	----------

Lấy lượng mưa tháng cao nhất : cho lượng mưa tháng thấp nhất
 $1167,7 : 27,4 = 42,6$ (lần)

Câu 2.

Đáp án:	3	,	4
----------------	----------	----------	----------

Lấy nhiệt độ trung bình nơi cao - Lấy nhiệt độ trung bình nơi thấp
 $27,1 : 23,7 = 3,4$ °C

Câu 3.

Đáp án:	3	,	2
----------------	----------	----------	----------

Tính số lao động thất nghiệp
 $(3,2 \times 50.600.000) : 100 = 1.619.200$ người
 Tính số lao động thiếu việc làm
 $(3,1 \times 50.600.000) : 100 = 1.568.600$ người
 Số người cần giải quyết việc làm là
 $1.619.200 + 1.568.600 = 3.187.800$ người (làm tròn 3,2 triệu)

Câu 4.

Đáp án:	7	,	3
----------------	----------	----------	----------

Số lượt khách nội địa năm 2022 so với năm 2015 giảm là:
 $102,1 - 101,3 = 0,8$ triệu lượt
 Số lượt khách quốc tế năm 2022 so với năm 2015 giảm là:
 $11,8 - 3,7 = 8,1$ triệu lượt
 Số lượt khách quốc tế giảm nhiều hơn so với khách nội địa là:
 $8,1 - 0,8 = 7,3$ triệu lượt

Câu 5.

Đáp án:	4	,	0
----------------	----------	----------	----------

Tỉ trọng khai thác thủy sản:

$$100\% - 56,0\% = 44\%$$

Sản lượng khai thác là:

$$(44\% \times 9,1): 100\% = 4,0 \text{ triệu tấn}$$

Câu 6.

Đáp án:

6

,

4

Sản lượng gỗ của Trung du miền núi Bắc Bộ : Sản lượng gỗ của Tây Nguyên

$$4848,9 : 753,1 = 6,4 \text{ lần}$$

.....**HẾT**.....

ĐỀ 5

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phần đất liền của nước ta

A. thu hẹp theo chiều Bắc - Nam.

B. giáp với Biển Đông rộng lớn.

C. rộng gấp nhiều lần vùng biển.

D. bao gồm cả các đảo ở ven bờ.

Câu 2. Hậu quả của bão thường gây thiệt hại nhiều cho vùng nào ở nước ta?

A. Vùng đồng bằng và ven biển.

B. Vùng núi Đông Bắc.

C. Vùng núi thấp Tây Bắc.

D. Vùng núi cao Tây Bắc.

Câu 3. Quá trình đô thị hoá diễn ra khá nhanh ở nước ta trong thời kỳ nào sau đây?

A. Pháp thuộc.

B. 1954 - 1975.

C. 1975 - 1986.

D. 1986 đến nay.

Câu 4. Lao động nước ta hiện nay

A. chủ yếu công nhân có kĩ thuật.

B. tập trung toàn bộ ở công nghiệp.

C. đông đảo, thất nghiệp còn ít.

D. tăng nhanh, phân bố không đều.

Câu 5. Vùng có sản lượng lúa lớn nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6. Tài nguyên được sử dụng cho tổ hợp nhà máy điện Phú Mỹ là

A. than đá.

B. dầu mỏ.

C. khí đốt.

D. thủy năng.

Câu 7. Khả năng vận chuyển hàng hóa và hành khách của giao thông vận tải đường sông lớn nhất ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 8. Các địa điểm có khí hậu mát mẻ quanh năm và có giá trị nghỉ dưỡng cao ở nước ta là

A. Mai Châu và Điện Biên.

B. Đà Lạt và Sa Pa.

C. Phan xipăng và Sa pa.

D. Phanxipăng và Điện Biên.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây đúng về hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Việc khai thác đa số các mỏ có chi phí cao.

B. Khai thác than tập trung chủ yếu ở Tây Bắc.

C. Khai thác than được dành hoàn toàn cho xuất khẩu.

D. Quặng a-pa-tit được khai thác để sản xuất phân đạm.

Câu 10. Khu dự trữ sinh quyển ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Cát Bà.

B. Xuân Thủy.

C. Tam Đảo.

D. Cúc Phương.

Câu 11. Khí tự nhiên của Duyên hải Nam Trung Bộ được khai thác chủ yếu ở

A. Đà Nẵng.

B. Quảng Nam.

C. Bình Định.

D. Bình Thuận.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

A. Nguồn nhập cư lớn, lao động đông.

B. Cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất cả nước.

C. Nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển.

D. giá trị sản xuất nông nghiệp lớn nhất.

Câu 13. Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do

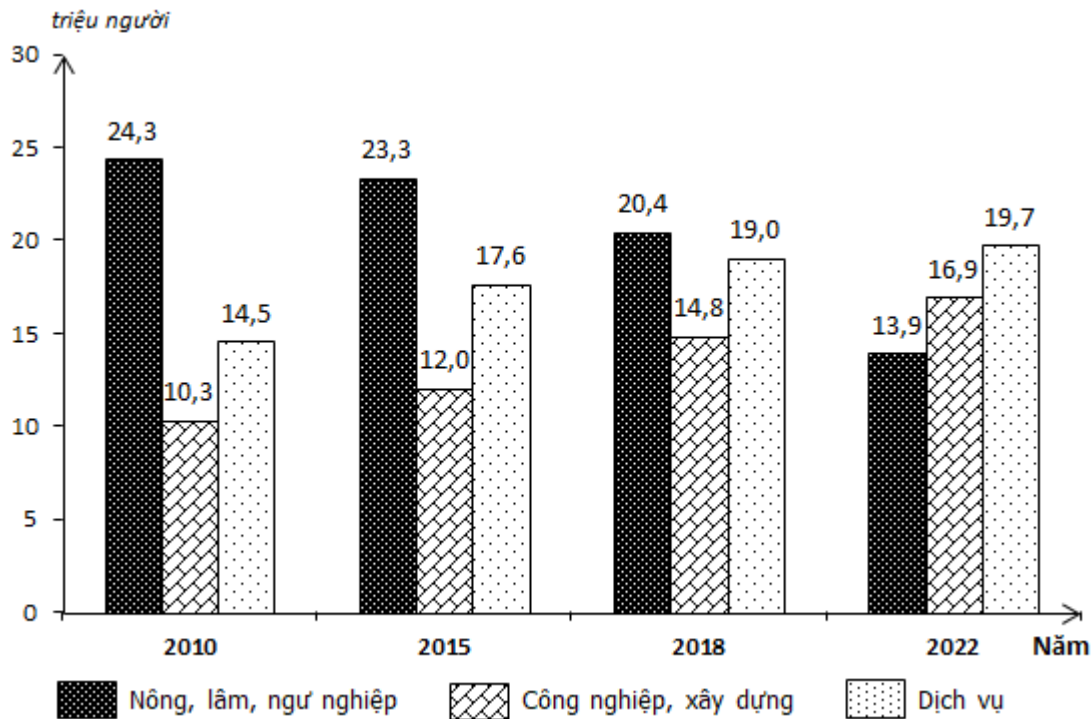
A. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.

C. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc lớn.

B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.

D. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



BIỂU ĐỒ LAO ĐỘNG PHÂN THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

(Nguồn: gso.gov.vn)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Ngành Nông – Lâm – Ngư nghiệp giảm 10,4 triệu người.

B. Ngành Công nghiệp – Xây dựng tăng thêm 4,6 triệu người.

C. Ngành Dịch vụ có quy mô lao động nhỏ hơn ngành Công nghiệp.

D. Tốc độ tăng của ngành dịch vụ 193 %, tốc độ tăng ngành Công nghiệp 90%.

Câu 15. Nội thương của nước ta hiện nay

A. có thị trường chính ở các vùng núi.

B. hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm.

C. phát triển đồng đều giữa các vùng.

D. có các mặt hàng trao đổi đa dạng.

Câu 16. Diện tích rừng giàu của Bắc Trung Bộ hiện nay chủ yếu tập trung ở

A. vùng núi biên giới.

B. vùng đồi núi thấp.

C. đồng bằng ven biển.

D. các đảo nằm gần bờ.

Câu 17. Thiên nhiên phân hóa đa dạng tạo ra thuận lợi nào sau đây đối với sự phát triển kinh tế nước ta?

A. Tạo cơ sở cho sự đa dạng hóa các sản phẩm đặc trưng.

B. Tạo cơ sở cho sản xuất quy mô lớn giữa các vùng miền.

C. Tính nhịp điệu mùa khí hậu tạo tính nhịp điệu sản xuất.

D. Địa hình núi và sông ngòi nhiều thuận lợi cho giao thông.

Câu 18. Biện pháp quan trọng hàng đầu để khai thác hiệu quả tiềm năng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phát triển nuôi trồng thủy sản.

B. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.

C. bảo vệ các dải rừng ngập mặn.

D. cải tạo vùng đất nhiễm phèn.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Số giờ nắng ở Việt Nam có sự khác biệt rất mạnh giữa các vùng, nơi nhiều nhất gấp đôi nơi ít nhất. Nói chung miền Bắc vĩ tuyến 16°B có số giờ nắng ít hơn ở miền Nam, nếu ở miền Bắc số giờ nắng dao động từ 1400 đến

2000 giờ, thì miền Nam dao động từ 2000 đến 3000 giờ. Trong mỗi miền lại có sự phân hóa riêng.

- Do nằm trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có tổng số giờ nắng lớn.
- Số giờ nắng thay đổi từ bắc vào nam do sự thay đổi của góc nhập xạ và ảnh hưởng của địa hình.
- Giờ nắng có sự khác nhau trên lãnh thổ chủ yếu do hoạt động của gió mùa Đông Bắc và vị trí.
- Miền Nam có số giờ nắng lớn hơn miền bắc do vị trí và không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường bộ có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, các đầu mối giao thông... và đã phủ kín khắp cả nước. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo vĩ độ và hẹp ngang nên đã hình thành hai tuyến trục chính là Bắc - Nam và Đông - Tây.

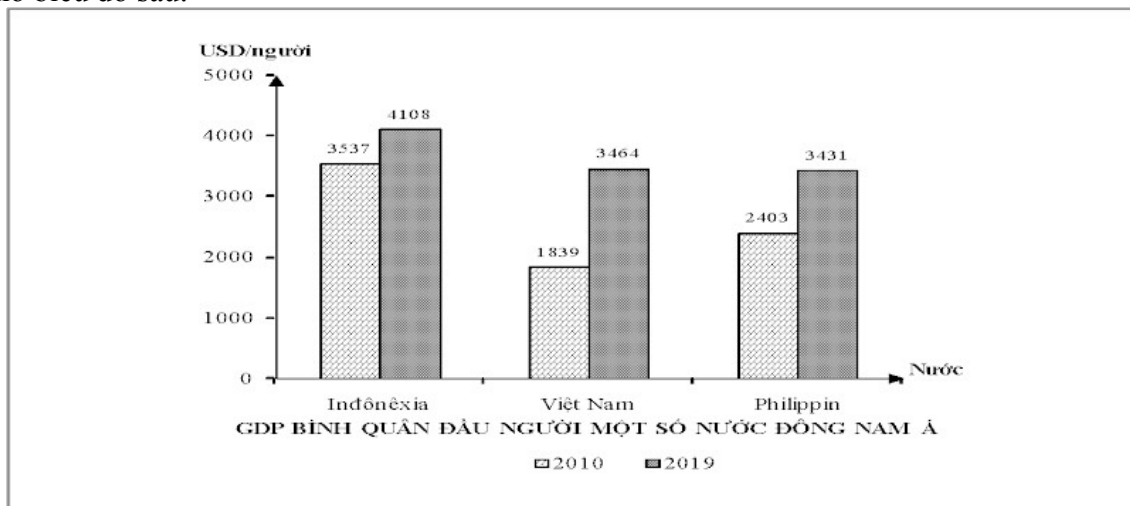
- Tuyến quốc lộ quan trọng nhất theo chiều Bắc - Nam của nước ta là quốc lộ số 1.
- Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.
- Các tuyến giao thông theo chiều Đông - Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế.
- Phát triển giao thông đường bộ ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa nhằm mục đích chính là phục vụ nhu cầu di dân.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước, trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực.

- Đông Nam Bộ là vùng đứng hàng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ.
- Nền kinh tế của Đông Nam Bộ phát triển nhất cả nước chủ yếu do dựa vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
- Đông Nam Bộ là vùng khai thác các lợi thế một cách hiệu quả nhất so với các vùng ở nước ta.
- Đông Nam Bộ phát triển nhanh các ngành công nghệ - kĩ thuật cao chủ yếu do chính sách hợp lý, lao động có trình độ cao, nguồn đầu tư lớn.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

- Năm 2019 In-đô-nê-xi-a có GDP bình quân đầu người cao nhất.
- In-đô-nê-xi-a tăng 571 USD, Phi-lip-pin tăng 1028 USD.
- Việt Nam có tốc độ tăng trưởng 188% tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
- In-đô-nê-xi-a có tốc độ tăng trưởng 116% tăng chậm hơn Việt Nam.

PHẦN III: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tổng lượng mưa năm 2022 tại Vinh là bao nhiêu? (làm tròn đến hàng đơn vị của mm)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tổng số dân của nước ta, giai đoạn 1990 - 2021

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1990	2000	2015	2021
Tổng số dân	66,9	77,6	92,2	98,5

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, năm 2022)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết dân số năm 2021 tăng bao nhiêu triệu người so với năm 1990? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của triệu người)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Số dân và sản lượng lương thực của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Sản lượng lương thực (nghìn tấn)
2015	91713,3	50379,5
2017	93671,6	47852,2
2019	96484,0	48230,9
2020	97582,7	47325,5
2021	98506,2	48301,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của kg/người)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích và số dân các tỉnh vùng Tây Nguyên, năm 2022

Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng
Diện tích (km^2)	9677	15510	13070	6509	9781
Số dân (Nghìn người)	580	1591	1918	671	1333

(Nguồn: Tổng cục Thống kê VN, năm 2022)

Mật độ dân số trung bình của vùng Tây Nguyên là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của kg/người)

-----HẾT-----
HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

BẢNG ĐÁP ÁN

1.B	2.A	3.D	4.D	5.A	6.C	7.D	8.B	9.A
10.A	11.D	12.D	13.A	14.A	15.D	16.A	17.A	18.B

Câu 1. Chọn B.

Việt Nam có vị trí tiếp giáp Biển Đông rộng khoảng gấp 3 lần đất liền.

Câu 2. Chọn A.

Ở nước ta, bão thường gây thiệt hại cho vùng đồng bằng và ven biển.

Câu 3. Chọn D.

Vào năm 1986 Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi mới thì quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh.

Câu 4. Chọn D.

Bình quân lao động nước ta mỗi năm tăng thêm 1 triệu người phân bố chủ yếu ở nông thôn.

Câu 5. Chọn A.

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng hơn 40 nghìn km² với sản lượng 24,3 triệu tấn (chiếm 55% sản lượng cả nước) là vựa lúa lớn nhất nước ta.

Câu 6. Chọn C.

Nhà máy điện Phú Mỹ là nhà máy nhiệt điện ở miền Nam dùng khí đốt làm nguồn nguyên liệu.

Câu 7. Chọn D.

Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nên có khả năng vận chuyển hàng hóa của giao thông vận tải đường sông lớn nhất.

Câu 8. Chọn B.

Do ở địa hình cao nên Đà Lạt và Sa Pa có khí hậu mát mẻ phù hợp cho nghỉ dưỡng.

Câu 9. Chọn A.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều mỏ khoáng sản với trữ lượng nhỏ, việc đầu tư mở khai thác chi phí lớn nhưng thu lại khoáng sản thì ít nên gây khó khăn cho công nghiệp khai khoáng của vùng.

Câu 10. Chọn A.

Đồng bằng sông Hồng có 2 khu dự trữ sinh quyển thế giới là Cát Bà và Châu thổ sông Hồng có giá trị cao trong bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu 11. Chọn D.

Duyên hải Nam Trung Bộ khai thác khí tự nhiên tại Bình Thuận và bước đầu đạt hiệu quả.

Câu 12. Chọn D.

Đông Nam Bộ là vùng có giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ lớn nhất cả nước.

Câu 13. Chọn A.

Khí hậu nhiệt đới ẩm mưa nhiều tại đất nước 3/4 là diện tích đồi núi, dẫn đến mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ ngắn, dốc.

Câu 14. Chọn A.

Năm 2010 Ngành Nông – Lâm – Ngư nghiệp 24,3 đến 2022 giảm còn 13,9 vậy giảm đi 10,4 triệu người.

Câu 15. Chọn D.

Từ khi thực hiện chính sách kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa thì hàng hóa trong nước đa dạng.

Câu 16. Chọn A.

Phía tây Bắc Trung Bộ chủ yếu là đồi núi giáp với Lào nên rừng tập trung chủ yếu ở đây nhằm mục đích phòng hộ.

Câu 17. Chọn A.

Thiên nhiên đa dạng làm cho sản phẩm nông nghiệp đa dạng, nên mỗi vùng sẽ có sản phẩm đặc trưng thích ứng với vùng sinh thái tạo điều kiện cho đa dạng hóa các sản phẩm đặc trưng cho mỗi vùng.

Câu 18. Chọn B.

Vấn đề lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là nhiễm phèn, nhiễm mặn cần nước để thau chua, rửa mặn nên biện pháp quan trọng là giải quyết vấn đề thủy lợi.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Do nằm trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có tổng số giờ nắng lớn.	Đ	
b) Số giờ nắng thay đổi từ bắc vào nam do sự thay đổi của góc nhập xạ và ảnh hưởng của địa hình.		S
c) Giờ nắng có sự khác nhau trên lãnh thổ chủ yếu do hoạt động của gió mùa Đông Bắc và vị trí.		S
d) Miền Nam có số giờ nắng lớn hơn miền bắc do vị trí và không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc	Đ	

- a) Do nằm trong vùng nội chí tuyến góc nhập xạ lớn, lượng nhiệt nhiều nên nước ta có tổng số giờ nắng lớn.
b) Số giờ nắng thay đổi từ Bắc vào Nam do sự thay đổi của góc nhập xạ nhưng không chịu ảnh hưởng của yếu tố địa hình.
c) Giờ nắng có sự khác nhau trên lãnh thổ chủ yếu do vị trí trải dài theo vĩ độ nên góc nhập xạ khác nhau. Miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên lạnh dẫn đến nhiệt độ hạ thấp nhưng không ảnh hưởng đến số giờ nắng.
d) Miền Nam có số giờ nắng lớn hơn miền bắc do vị trí và không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Tuyến quốc lộ quan trọng nhất theo chiều Bắc - Nam của nước ta là quốc lộ số 1.	Đ	
b) Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.	Đ	
c) Các tuyến giao thông theo chiều Đông - Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế.	Đ	
d) Phát triển giao thông đường bộ ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa nhằm mục đích chính là phục vụ nhu cầu di dân.		S

- a) Quốc lộ số 1 là tuyến đường xương sống ở phía đông nối từ Lạng Sơn – Cà Mau.
b) Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng vì mang tính cơ động phù hợp với địa hình.
c) Các tuyến giao thông theo chiều Đông - Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế => Các tuyến hành lang Đông - Tây nối cảng Biển với khu kinh tế cửa khẩu thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa giữa các nước.
d) Phát triển giao thông đường bộ ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đông Nam Bộ là vùng đứng hàng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ.	Đ	
b) Nền kinh tế của Đông Nam Bộ phát triển nhất cả nước chủ yếu do dựa vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài.		S
c) Đông Nam Bộ là vùng khai thác các lợi thế một cách hiệu quả nhất so với các vùng ở nước ta.	Đ	
d) Đông Nam Bộ phát triển nhanh các ngành công nghệ - kĩ thuật cao chủ yếu do chính sách hợp lý, lao động có trình độ cao, nguồn đầu tư lớn.	Đ	

- a) Đông Nam Bộ là vùng đứng hàng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp 30,9% và dịch vụ 27,8% so với cả nước năm 2021.

- b) Nền kinh tế của Đông Nam Bộ phát triển nhất cả nước dựa vào tập trung nhiều thuận lợi về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực, vốn trong và ngoài nước.
- c) Đông Nam Bộ là vùng kinh tế năng động đi đầu trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và đạt hiệu quả cao nhất.
- d) Đông Nam Bộ là vùng được đầu tư phát triển sớm và tập trung mọi nguồn lực, lao động có trình độ nên thu hút các ngành công nghệ cao.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Năm 2019 In-đô-nê-xi-a có GDP bình quân đầu người cao nhất.	Đ	
b) In-đô-nê-xi-a tăng 571 USD, Phi-lip-pin tăng 1028 USD.	Đ	
c) Việt Nam có tốc độ tăng trưởng 188%, tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.		S
d) In-đô-nê-xi-a có tốc độ tăng trưởng 116% tăng chậm hơn Việt Nam.	Đ	

- a) Dựa vào biểu đồ ta thấy In-đô-nê-xi-a có GDP bình quân đầu người cao nhất.
- b) In-đô-nê-xi-a: $4108 - 3537 = 571$ (USD).
Phi-lip-pin: $3431 - 2403 = 1028$ (USD).
- c) Việt Nam có tốc độ tăng trưởng: $(3464 : 1839) \times 100 = 188\%$
In-đô-nê-xi-a có tốc độ tăng trưởng: $(4108 : 3537) = 116\%$
Vậy Việt Nam tăng nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.
- d) In-đô-nê-xi-a có tốc độ tăng trưởng 116% Việt Nam có tốc độ tăng trưởng 188%
In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Việt Nam.

PHẦN III: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1:

Đáp án:	1	4		
---------	---	---	--	--

Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội: $31,4 - 15,3 = 16,1^{\circ}\text{C}$.
Biên độ nhiệt độ năm của Cà Mau: $28,7 - 26,6 = 2,1^{\circ}\text{C}$.
Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn Cà Mau: $16,1 - 2,1 = 14^{\circ}\text{C}$.

Câu 2.

Đáp án:	3	3	3	5
---------	---	---	---	---

Tổng lượng mưa của 12 tháng cộng lại:
 $27,4 + 77,2 + 68,8 + 110,8 + 280,7 + 63,8 + 255,6 + 166,3 + 116,7 + 352,0 + 718,6 + 47,2 \approx 3335$ (mm).

Câu 3.

Đáp án:	3	1	,	6
---------	---	---	---	---

Số dân tăng thêm: $98,5 - 66,9 = 31,6$ (triệu người).

Câu 4.

Đáp án:	2	1	6	
---------	---	---	---	--

Tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $(100 \times 8941) : 50,61 = 17666,47$ (nghìn tỉ đồng).
Giá trị nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $17666,47 - 8941 = 8725,47$ (nghìn tỉ đồng).
Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $8941 - 8725,47 = 216$ (nghìn tỉ đồng).

Câu 5.

Đáp án:	4	9	0	
---------	---	---	---	--

Sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta năm 2021
 $48301,3 : 98506,2 = 0,49$ tấn/người = 490 kg/người.

Câu 6.

Đáp án:	1	1	2	
---------	---	---	---	--

Diện tích của vùng Tây Nguyên là: $9677 + 15510 + 13070 + 6509 + 9781 = 54547$ km².
Số dân của vùng Tây Nguyên là: $580 + 1591 + 1918 + 671 + 1333 = 6093$ nghìn người.
Mật độ dân số trung bình của vùng Tây Nguyên là: $6093000 : 54547 \approx 112$ người/km².

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí địa lý nước ta

- A. ở trung tâm của bán đảo Đông Dương. B. gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
C. tiếp giáp Ấn Độ Dương và Biển Đông. D. nằm ở khu vực phía đông của châu Á.

Câu 2. Xâm thực mạnh ở miền núi **không** gây hậu quả trực tiếp nào sau đây?

- A. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ. B. Đất trượt, đá lở.
C. Các đồng bằng mở rộng. D. Địa hình cac-xơ.

Câu 3. Thành phố nào sau đây của nước ta sau đây không giáp biển

- A. Đà Nẵng. B. Thành phố Vinh. C. Vũng Tàu. D. Cần Thơ.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm của lao động của nước ta?

- A. Nguồn lao động dồi dào và đang tăng nhanh.
B. Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề còn ít.
C. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.
D. Lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.

Câu 5. Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Trình độ lao động được nâng cao. B. Nhu cầu thị trường tăng nhanh.
C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. D. Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

Câu 6. Nhà máy nhiệt điện nào sau đây có nguồn nhiên liệu từ than

- A. Cà Mau. B. Phú Mỹ. C. Bà Rịa. D. Uông Bí.

Câu 7. Tuyến vận tải đường sắt quan trọng nhất nước ta là

- A. đường sắt Thống Nhất. B. Hà Nội - Lào Cai.
C. Hà Nội - Hải Phòng. D. Hà Nội - Thái Nguyên.

Câu 8. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho ngành du lịch nước ta phát triển nhanh trong thời gian gần đây?

- A. Nhu cầu du lịch tăng, có nhiều di sản thế giới.
B. Tài nguyên du lịch phong phú, cơ sở lưu trú tốt.
C. Chính sách phát triển, nhu cầu về du lịch tăng.
D. Thu hút nhiều vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng với vị trí địa lý và lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Giáp vùng biển giàu tiềm năng. B. Có diện tích tự nhiên lớn nhất.
C. Có biên giới với Trung Quốc và Lào. D. Giáp với Đồng bằng sông Hồng.

Câu 10. Đồng bằng sông Hồng có tài nguyên nước ngọt phong phú chủ yếu là do

- A. có lượng mưa dồi dào. B. có hai hệ thống sông lớn.
C. địa hình bằng phẳng. D. vị trí nằm tiếp giáp với biển.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây không thể hiện ý nghĩa của sự phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ đối với an ninh quốc phòng?

- A. Nâng cao vị thế trong đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển.
B. Cơ sở khẳng định chủ quyền biển đảo và bảo vệ lãnh thổ.
C. Làm nền tảng trong việc phát triển an ninh và quốc phòng.
D. Nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác tài nguyên biển đảo.

Câu 12. Đông Nam Bộ thích hợp để xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp với quy mô lớn chủ yếu là do có

- A. địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai phân bố thành vùng lớn.
B. diện tích đất xám lớn, địa hình phân hóa đa dạng, mưa theo mùa.
C. nguồn nước khá phong phú, khí hậu nóng quanh năm và ít có bão.
D. đất feralit trên đá badan khá màu mỡ, khí hậu cận xích đạo rõ rệt.

Câu 13. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

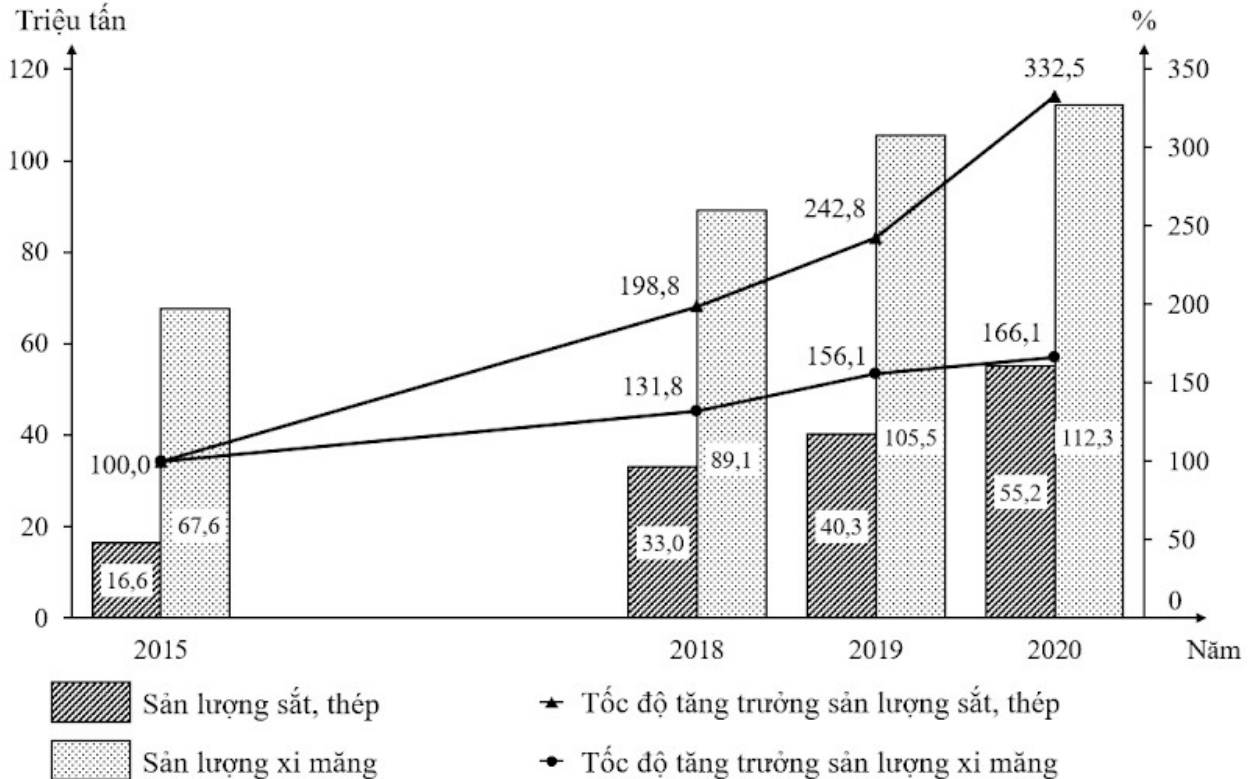
A. rừng thưa cận nhiệt đới khô hạn và cây bụi gai.

C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 14. Cho biểu đồ



SẢN XUẤT SẮT, THÉP VÀ SẢN XUẤT XI MĂNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng sắt, thép nhanh hơn tốc độ tăng trưởng xi măng.

B. Sản lượng sắt, thép tăng liên tục từ năm 2015 đến 2020.

C. Sản lượng xi măng từ 2015 đến 2020 tăng 45,7 triệu tấn.

D. Năm 2020 sản lượng sắt, thép tăng 35,6 triệu tấn so với năm 2015.

Câu 15. Nội thương của nước ta hiện nay

A. có thị trường chính ở các vùng núi.

B. hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm.

C. phát triển đồng đều giữa các vùng.

D. có các mặt hàng trao đổi đa dạng.

Câu 16. Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

A. chăn nuôi gia súc lớn.

B. cây công nghiệp hàng năm.

C. chăn nuôi gia cầm.

D. cây lương thực và nuôi lợn.

Câu 17. Đặc điểm địa hình nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. gồm nhiều khối núi, cao nguyên ba-dan.

B. các khối núi cao chiếm phần lớn diện tích.

C. các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi đồ sộ.

D. hướng núi phổ biến là tây bắc - đông nam.

Câu 18. Biện pháp quan trọng hàng đầu để khai thác hiệu quả tiềm năng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phát triển nuôi trồng thủy sản.

B. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.

C. bảo vệ các dải rừng ngập mặn.

D. cải tạo vùng đất nhiễm phèn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh

khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

- a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.
- b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc - đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.
- c) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.
- d) Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

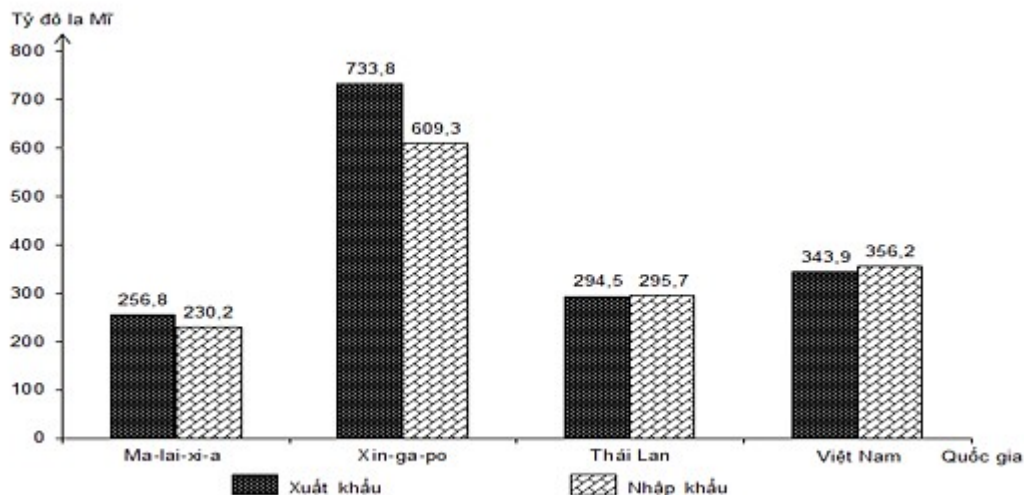
- a) Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.
- b) Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới.
- c) Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên thách thức lớn cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.
- d) Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long có tài nguyên du lịch phong phú. Khách du lịch và doanh thu du lịch có xu hướng tăng đều từ 2015 đến 2019, năm 2020, 2021 giảm nhưng hiện nay đang dần phục hồi trở lại. Loại hình du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái, sông nước, nghỉ dưỡng biển đảo và văn hóa lễ hội.

- a) Loại hình du lịch đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long là kiến trúc, nghệ thuật.
- b) Số lượt khách du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ 2015 đến nay rất ổn định.
- c) Lượng khách du lịch năm 2020, 2021 giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.
- d) Yếu tố tạo bước đột phá trong phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long là chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư.

Câu 4. Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Theo biểu đồ, nhận xét về giá trị cán cân xuất nhập khẩu của một số quốc gia năm 2022?

- a) Giá trị xuất, nhập khẩu của Việt Nam luôn cao hơn Thái Lan.
- b) Giá trị xuất của Xin-ga-bo luôn cao hơn giá trị nhập khẩu.
- c) Giá trị xuất khẩu của Xin-ga-bo cao hơn của Thái Lan khoảng 3,5 lần.

d) Giá trị nhập khẩu của Việt Nam cao hơn của Ma-lai-xi-a 128,2 Tỷ đô la Mỹ.

PHẦN III. Trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại Huế

Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
25,1	19,7	29,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của Huế (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2020

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2016	2018	2020
Tổng số	49124	53345	54282,5	53609,6
Kinh tế Nhà nước	5025	4702	4525,9	4098,4
Kinh tế ngoài Nhà nước	42370	45025	45215,4	44777,4
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1729	3591	4541,2	4733,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Cho biết tốc độ tăng trưởng lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2020 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%) của nước ta nhiều hơn bao nhiêu % khu vực ngoài Nhà nước? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	332,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Câu 5. Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2021 là 7,2 triệu ha, sản lượng là 43,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn m³)

Năm	2018	2019	2020	2021
Trung du và miền núi Bắc Bộ	4087,8	4315,1	4419,3	4847,9
Tây Nguyên	685,7	699,3	712,0	753,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ của Trung du miền núi Bắc Bộ tăng hơn với Tây Nguyên là bao nhiêu % (làm tròn đến hàng đơn vị)

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI**PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn****BẢNG ĐÁP ÁN**

1.B	2.C	3.D	4.D	5.B	6.D	7.A	8.C	9.A
10.B	11.D	12.D	13.C	14.A	15.D	16.A	17.A	18.B

Câu 1. Chọn B.

Vị trí địa lí Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á đồng thời là cửa ngõ ra biển cho các nước bạn Thái Lan, Lào.

Câu 2. Chọn C.

Các đồng bằng mở rộng là hệ quả của quá trình bồi tụ.

Câu 3. Chọn D.

Cần Thơ nằm sâu trong lục địa nên không giáp biển.

Câu 4. Chọn D.

Lực lượng lao động có trình độ cao của nước ta còn ít chỉ chiếm 26,2 %(2021)

Câu 5. Chọn B.

Sản xuất chăn nuôi theo hướng hàng hóa với số lượng sản phẩm làm ra lớn vì vậy nhu cầu của thị trường là nhân tố tác động mạnh.

Câu 6. Chọn D.

Nhà máy Uông Bí nằm ở Phía Bắc gần mỏ than.

Câu 7. Chọn A.

Tuyến đường sắt Thống Nhất từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh là tuyến quan trọng nhất trong giao thông đường sắt của nước ta.

Câu 8. Chọn C.

Chính sách phát triển (đầu tư, cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa các hoạt động du lịch, thu hút đầu tư, phát triển các trung tâm du lịch trọng điểm..) và nhu cầu du lịch tăng đã làm cho ngành du lịch phát triển mạnh.

Câu 9. Chọn A.

Hiện nay theo qui định phân chia vùng kinh tế thì Trung du và miền núi Bắc Bộ không còn giáp biển.

Câu 10. Chọn B.

Đồng bằng sông Hồng có 2 hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình cung cấp nguồn nước ngọt lớn.

Câu 11. Chọn D.

Nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác tài nguyên biển đảo là ý nghĩa về mặt kinh tế.

Câu 12. Chọn D.

Đông Nam Bộ với diện tích đất đỏ badan khá lớn và màu mỡ, cùng với khí hậu cận xích đạo nóng ẩm thích hợp trồng cây công nghiệp qui mô lớn.

Câu 13. Chọn C.

Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh là hệ sinh thái đặc trưng của rừng nhiệt đới gió mùa với kiểu hệ sinh thái đa dạng.

Câu 14. Chọn A.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng sắt tăng 232,5%, tốc độ tăng trưởng xi măng tăng 66,1 %

Câu 15. Chọn D.

Nội thương nước ta phát triển mạnh đặc biệt từ sau năm 1986 hàng hóa ngày càng đa dạng và phong phú.

Câu 16. Chọn A.

Vùng gò đồi trước núi với diện tích đồng cỏ lớn nên thuận lợi cho chăn nuôi gia súc.

Câu 17. Chọn A.

Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ địa hình điển hình là các khối núi cổ và các cao nguyên badan rộng lớn.

Câu 18. Chọn B.

Đồng bằng sông Cửu Long với mùa khô sâu sắc kéo dài nếu không đảm bảo nước tưới sẽ bị xâm nhập mặn nặng nề vì vậy cần giải quyết tốt vấn đề thủy lợi để đảm bảo nguồn nước tưới tiêu và thau chua rửa mặn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng hoặc sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.	Đ	
b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc - đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.	Đ	
c) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.		S
d) Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao.	Đ	

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước vì nơi này chịu tác động đầu tiên của gió Đông Bắc.

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi Hoàng Liên Sơn đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

c) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6 °C

d) Một số nơi của vùng Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên như vùng ôn đới do ảnh hưởng của địa hình núi cao vào mùa đông nhiệt độ vùng núi cao Hoàng Liên Sơn xuống dưới 5°C có hiện tượng tuyết rơi.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.	Đ	
b) Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới.	Đ	
c) Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên thách thức lớn cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.		S
d) Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.	Đ	

a) Dịch vụ góp phần quan trọng tạo nhiều việc làm, thu hút đầu tư thúc đẩy công nghiệp phát triển đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước.

b) Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới để phục vụ nhu cầu ngày càng đa dạng của con người.

c) Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên điều kiện thuận lợi tạo nên sức mua lớn, lao động dồi dào cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.

d) Sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta hình thành nhiều nhóm ngành mới đặc biệt từ khi đất nước mở cửa hội nhập với thế giới và khu vực.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Loại hình du lịch đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long là kiến trúc, nghệ thuật.		S
b) Số lượt khách du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ 2015 đến nay rất ổn định.		S
c) Lượng khách du lịch năm 2020, 2021 giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.	Đ	
d) Yếu tố tạo bước đột phá trong phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long là chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư.	Đ	

a) Loại hình du lịch đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long là du lịch sinh thái.

b) Số lượt khách du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng như các vùng khác của nước ta trong những năm gần đây đều có sự biến động do dịch bệnh.

c) Lượng khách du lịch năm 2020, 2021 giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đối với cả nước không riêng gì ĐBSCL.

d) Giải pháp quan trọng để ứng phó nguy cơ hạn mặn, thiếu nước ở Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển hệ thống thủy lợi để đảm bảo nước tưới đặc biệt vào mùa khô, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp với những loại giống mới có khả năng chịu được đất mặn và phèn.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Giá trị xuất, nhập khẩu của Việt Nam luôn cao hơn Thái Lan.	Đ	
b) Giá trị xuất của Xin-ga-bo luôn cao hơn giá trị nhập khẩu.	Đ	
c) Giá trị xuất khẩu của Xin-ga-bo cao hơn của Thái Lan khoảng 3,5 lần.		S
d) Giá trị nhập khẩu của Việt Nam cao hơn của Ma-lai-xi-a 128,2 Tỷ đô la Mỹ		S

a) Giá trị xuất, nhập khẩu của Việt Nam luôn cao hơn Thái Lan (xuất khẩu cao hơn 49,4 Tỷ đô la Mỹ, nhập khẩu cao hơn 60,5 Tỷ đô la Mỹ).

b) Giá trị xuất của Xin-ga-bo cao hơn giá trị nhập khẩu 124,5 Tỷ đô la Mỹ.

c) Giá trị xuất khẩu của Xin-ga-bo cao hơn của Thái Lan khoảng 2,5 lần.

d) Giá trị nhập khẩu của Việt Nam cao hơn của Ma-lai-xi-a 126 Tỷ đô la Mỹ.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

Câu 1.

Đáp án:	2	4	3	
---------	----------	----------	----------	--

$$1931 - 1688 = 243$$

Câu 2.

Đáp án:	9	,	7	
---------	----------	----------	----------	--

Nhiệt độ tháng 7 – nhiệt độ tháng 1

$$29,4 - 19,7 = 9,7$$

Câu 3.

Đáp án:	1	6	8	
---------	----------	----------	----------	--

- Tốc độ tăng trưởng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: $(4733,8 : 1729) \times 100 = 273,7883 \%$

- Tốc độ tăng trưởng của khu vực ngoài Nhà nước: $(44777,4 : 42370) \times 100 = 105,6819 \%$

- Tốc độ tăng trưởng của khu vực nước ngoài so với nhà nước: $273,7883 - 105,6819 \approx 168$

Câu 4.

Đáp án:	5	0	,	2
---------	----------	----------	----------	----------

Tổng giá trị xuất- nhập khẩu nước ta năm 2021: $336,1 + 332,9 = 669$ tỉ USD

Tỉ trọng giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2021: $(336,1 \times 100) : 669 = 50,2$

Câu 5.

Đáp án:	6	1		
---------	----------	----------	--	--

Năng suất = Sản lượng : Diện tích (tạ /ha)

$$43,9 : 7,2 = 6,097222 \text{ tấn/ha} \approx 61 \text{ tạ/ha}$$

Câu 6.

Đáp án:	9			
---------	----------	--	--	--

Tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ của TDMNBB: $(4847,9 \times 100) : 4087,8 = 118,6\%$

Tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ của TN: $(753,7 \times 100) : 685,7 = 109,9\%$

Tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ của TDMNBB so với TN: $118,6 - 109,9 = 8,7$ (làm tròn thành 9)

.....HẾT.....

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

MÔN: ĐỊA LÍ

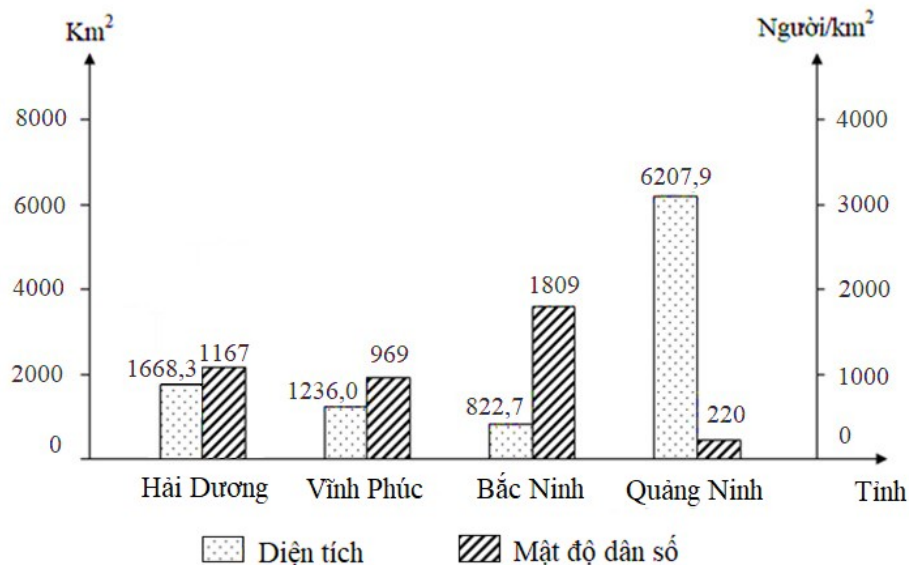
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí địa lí nước ta

- A. ở trung tâm của bán đảo châu Á. B. liền kề với các vành đai sinh khoáng.
 C. tiếp giáp Ấn Độ Dương và biển Đông. D. nằm ở khu vực Đông Nam Á hải đảo.
- Câu 2.** Ở nước ta, hạn hán thường xảy ra ở đâu?
 A. Vùng biển cực Nam Trung Bộ. B. Vùng núi thấp Tây Bắc.
 C. Vùng núi Trường Sơn Nam. D. Vùng núi Đông Bắc.
- Câu 3.** Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc Trung ương?
 A. Hải Phòng. B. Bình Phước. C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.
- Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây không phải ưu điểm của nguồn lao động nước ta?
 A. Tiếp thu nhanh khoa học và công nghệ. B. Số lượng đông, tăng nhanh.
 C. Cần cù, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. D. Lao động có trình độ cao còn ít.
- Câu 5.** Chăn nuôi gia cầm tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là do vùng này có
 A. cơ sở hạ tầng đồng bộ. B. thị trường tiêu thụ lớn.
 C. mạng lưới sông, hồ dày đặc. D. nguồn lao động chất lượng.
- Câu 6.** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu ở nước ta phân bố chủ yếu ở
 A. các khu công nghiệp. B. gần các cảng biển.
 C. xa các khu dân cư. D. đầu nguồn các sông.
- Câu 7.** Loại hình dịch vụ nào sau đây không phải mới ra đời ở nước ta?
 A. Logistics. B. Tư vấn đầu tư.
 C. Chuyển giao công nghệ. D. Vận tải đường bộ.
- Câu 8.** Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới của nước ta thuộc tỉnh
 A. Quảng Ninh. B. Ninh Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Bình.
- Câu 9.** Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có
 A. lao động có truyền thống, kinh nghiệm. B. khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.
 C. nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng. D. đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.
- Câu 10.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có
 A. mật độ dân số cao nhất cả nước. B. số dân chiếm một nửa cả nước.
 C. gia tăng dân số tự nhiên rất cao. D. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.
- Câu 11.** Thế mạnh chủ yếu của Duyên hải Nam Trung Bộ về đánh bắt hải sản là
 A. có các ngư trường trọng điểm, giàu có sinh vật.
 B. lao động có nhiều kinh nghiệm đánh bắt xa bờ.
 C. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
 D. giáp với thị trường tiêu thụ lớn là Đông Nam Bộ.
- Câu 12.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là
 A. có nhiều loại đất. B. khí hậu nóng ẩm.
 C. nhiều sông suối. D. địa hình thấp.
- Câu 13.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?
 A. Nhiều sông. B. Phần lớn là sông nhỏ. C. Giàu phù sa. D. Ít phụ lưu.
- Câu 14.** Cho biểu đồ sau:



DIỆN TÍCH VÀ MẬT ĐỘ DÂN SỐ MỘT SỐ TỈNH CỦA NƯỚC TA NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Mật độ tỉnh Quảng Ninh gấp hơn hai lần tỉnh Bắc Ninh.
- B. Mật độ tỉnh Bắc Ninh nhỏ hơn tỉnh Hải Dương.
- C. Diện tích tỉnh Hải Dương lớn hơn tỉnh Vĩnh Phúc 432,3 km².
- D. Diện tích tỉnh Vĩnh Phúc nhỏ hơn tỉnh Bắc Ninh 413,3 km².

Câu 15. Phát biểu nào sau đây không đúng về ngành nội thương của nước ta?

- A. Khu vực kinh tế Nhà nước chiếm tỉ trọng rất cao và ngày càng tăng.
- B. Nhiều loại hàng hóa, cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.
- C. Hàng hóa phong phú, đa dạng và đáp ứng nhu cầu của người dân.
- D. Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất trong nước.

Câu 16. Để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở vùng Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
- B. phát triển kinh tế - xã hội ở vùng phía tây.
- C. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị lớn.
- D. gắn kết các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Câu 17. Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây ở vùng đồi núi mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đa dạng.
- B. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh cây lương thực và ăn quả.
- C. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chủ yếu phát triển các cây lương thực.
- D. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chỉ thuận lợi cho việc trồng lúa nước.

Câu 18. Hiện tượng ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

- A. mật độ xây dựng cao, triều cường.
- B. mưa tập trung lớn và triều cường.
- C. mưa bão lớn, lũ từ thượng nguồn.
- D. diện mưa bão rộng, xây dựng nhiều.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, nơi mà gió mùa đông bắc đã mang lại không khí lạnh từ vùng ôn đới, số tháng có nhiệt độ xấp xỉ giá trị trung bình ở vùng Đông Bắc chỉ khoảng 30%, ở đồng bằng Bắc Bộ là 40%, còn ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ được trên 50%. Cường độ thất thường được thể hiện qua sự dao động của nhiệt độ năm lạnh nhất và năm nóng nhất so với trị số trung bình.

- a) Gió mùa Đông Bắc làm thời tiết miền Bắc nước ta có nửa đầu mùa đông lạnh khô, nửa sau lạnh ẩm.

- b)** Thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường do gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, frông.
- c)** Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt năm cao.
- d)** Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông - Tây.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ứng dụng khoa học đã tạo ra tài nguyên mới cho dịch vụ: kho số viễn thông, tài nguyên internet, tài nguyên thông tin... Các giải pháp công nghệ mở rộng nhiều loại hình dịch vụ mới: giao thông thông minh, thương mại điện tử, du lịch ảo,...

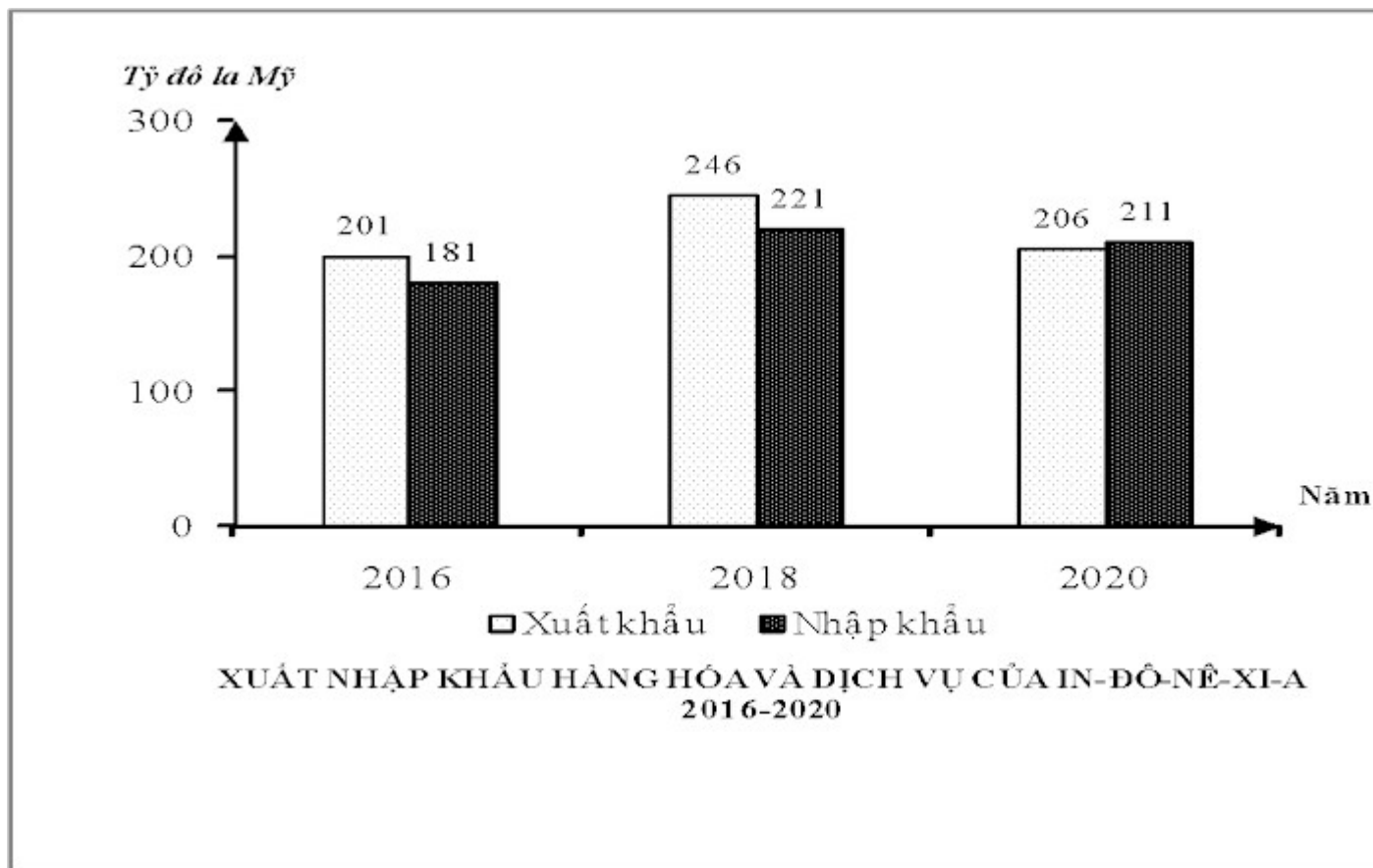
- a)** Sự phát triển của khoa học công nghệ đã giúp cải thiện quy trình sản xuất, tăng cường hiệu suất, giảm chi phí cho doanh nghiệp.
- b)** Các sàn thương mại điện tử là sản phẩm của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển dịch vụ, đáp ứng nhu cầu người dân.
- c)** Chất lượng của ngành viễn thông, logistics... ngày càng nâng cao hơn nhờ những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại.
- d)** Lực lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ ngày càng đông hơn nhờ áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình hoạt động.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, phù hợp đặc điểm sinh thái của nhiều loại cây công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay do biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, mùa khô kéo dài, cộng thêm các công trình thủy lợi xuống cấp nên không đáp ứng đủ nước cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp nói chung và phát triển cây công nghiệp chủ lực nói riêng của vùng. Biến đổi khí hậu làm thay đổi quy luật thời tiết, từ đó gia tăng dịch bệnh hại cây trồng làm tăng chi phí sản xuất, tàn suất mất mùa gia tăng. Vì vậy, sản xuất cây công nghiệp chủ lực ở Tây Nguyên thiếu ổn định, hiệu quả thấp và chưa bền vững.

- a)** Mùa khô kéo dài thuận lợi cho bảo quản nông sản ở Tây Nguyên.
- b)** Khí hậu của Tây Nguyên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
- c)** Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên.
- d)** Đầu tư nghiên cứu giống cây thích nghi với biến đổi khí hậu là giải pháp hiệu quả nhất trong việc chống hạn để phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của của In-đô-nê-xi-a năm 2020 so với năm 2016?

- Giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a giảm liên tục qua các năm.
- Giá trị xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a 2016 - 2020 tăng 5 tỉ đô la Mỹ.
- Giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a 2020 tăng 1,3 lần so với năm 2016.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2016 - 2020 tăng gần 117%.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng tại Hà Nội năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$).

Câu 2. Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm?

Câu 3. Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2021

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2005	2010	2015	2021
Xuất khẩu	32,4	72,2	162,0	336,1
Nhập khẩu	36,7	84,8	165,7	332,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê 2006, 2011, 2016 và 2022)

Cho biết tỉ trọng xuất khẩu năm 2021 so với năm 2005 tăng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2021

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	970,3	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	6020,4	43852,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Cho biết năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của tạ/ha)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Tổng diện tích rừng và diện tích rừng trồng ở Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	3 045,0	3 126,7	3 131,1
Trong đó: Diện tích rừng trồng	808,9	921,2	929,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2022)

Cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên của Bắc Trung Bộ năm 2021 nhiều hơn tỉ lệ diện tích rừng trồng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

BẢNG ĐÁP ÁN

1.B	2.A	3.B	4.D	5.B	6.A	7.D	8.A	9.B
10.A	11.A	12.B	13.D	14.C	15.A	16.D	17.A	18.B

Câu 1. Chọn B.

Việt nam nằm Gần với vành đai sinh khoáng lớn Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

Câu 2. Chọn A.

Cực Nam Trung Bộ là nơi có thời tiết khô hạn do hiện tượng phơn, yếu tố vĩ độ và địa hình.

Câu 3. Chọn B.

Bình Phước là đô thị loại III.

Câu 4. Chọn D.

Lao động có trình độ cao nước ta còn ít là một trong những hạn chế của nguồn lao động nước ta.

Câu 5. Chọn B.

Ngành chăn nuôi gia cầm thường phân bố ở khu vực gần nơi đông dân cư -> thị trường tiêu thụ và gần các vùng sản xuất lương thực, thực phẩm để tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt.

Câu 6. Chọn A.

Hoạt động khai thác dầu khí tập trung nhiều ở các tỉnh phía Nam và được sử dụng làm chất đốt trong các nhà máy nhiệt điện nên Nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu tập trung nhiều ở các tỉnh phía Nam.

Câu 7. Chọn D.

Vận tải đường bộ ra đời rất sớm.

Câu 8. Chọn A.

Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới của nước ta điểm du lịch nổi tiếng thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Câu 9. Chọn B.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh nên cây trồng thích hợp là cây có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 10. Chọn A.

Đồng bằng sông Hồng có lịch sử khai phá lãnh thổ lâu đời nên dân cư tập trung đông đúc mật độ dân số lớn.

Câu 11. Chọn A.

Duyên hải Nam Trung Bộ có các ngư trường lớn: Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 12. Chọn B.

Đông Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm, lượng mưa lớn nên cây trồng thích hợp là cây công nghiệp nhiệt đới.

Câu 13. Chọn D.

Địa hình $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi lượng mưa lớn nên sông ngòi dày đặc nhiều phụ lưu.

Câu 14. Chọn C.

Dự vào biểu đồ ta thấy nhận xét đúng là: diện tích tỉnh Hải Dương lớn hơn tỉnh Vĩnh Phúc 432,3 km².

Câu 15. Chọn A.

Khu vực kinh tế Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng giảm nhưng đóng vai trò quan trọng.

Câu 16. Chọn D.

Địa hình Bắc Trung Bộ phía tây là đồi núi, phía đông là đồng bằng ven biển nên phát triển Lâm nghiệp ở miền núi, nông nghiệp ở đồng bằng và thủy sản ở ven biển để khai thác có hiệu quả tạo thế liên hoàn trong không gian.

Câu 17. Chọn A.

Sự phân hóa khí hậu theo chiều Đông – Tây làm thiên nhiên phân hóa đa dạng nên tạo ra cơ cấu mùa vụ và cây trồng vật nuôi sẽ đa dạng.

Câu 18. Chọn B.

Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp mưa tập trung theo mùa lớn cộng với triều cường gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Gió mùa Đông Bắc làm thời tiết miền Bắc nước ta có nửa đầu mùa đông lạnh khô, nửa sau lạnh ẩm.	Đ	
b) Thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường do gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, frông.	Đ	
c) Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt năm cao.	Đ	
d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông - Tây.		S

a) Gió mùa Đông Bắc làm thời tiết miền Bắc nước ta có nửa đầu mùa đông lạnh khô vì bắt nguồn từ cao áp Xi-bia qua lục địa rộng lớn, nửa sau lạnh ẩm vì khối khí di chuyển lệch về phía Đông khi tới Việt Nam đi qua biển nên tăng cường ẩm.

b) Thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường do gió mùa Đông Bắc hoạt động đan xen gió Tín phong bán cầu Bắc, sự tranh chấp của các khối khí làm xuất hiện frông gây nhiều loạn không khí.

c) Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc có mùa đông lạnh nhiệt độ hạ thấp nên nước ta có biên độ nhiệt năm cao.

d) Gió mùa Đông Bắc không phải nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông - Tây.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Sự phát triển của khoa học công nghệ đã giúp cải thiện quy trình sản xuất, tăng cường hiệu suất, giảm chi phí cho doanh nghiệp.	Đ	
b) Các sản phẩm thương mại điện tử là sản phẩm của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển dịch vụ, đáp ứng nhu cầu người dân.	Đ	
c) Chất lượng của ngành viễn thông, logistics...ngày càng nâng cao hơn nhờ những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại.	Đ	
d) Lực lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ ngày càng đông hơn nhờ áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình hoạt động.		S

- a) Sự phát triển của khoa học công nghệ đã giúp cải thiện quy trình sản xuất bằng hệ thống tự động hóa, số hóa làm tăng cường hiệu suất, các công đoạn sản xuất rút ngắn mà năng suất tăng lên nên giảm chi phí cho doanh nghiệp.
- b) Các sàn thương mại điện tử là không gian mạng được mở ra nhằm mục đích bày bán những sản phẩm thuộc nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng đáp ứng nhu cầu người dân.
- c) Ngành viễn thông, logistics...là hoạt động mang tính dây chuyền khâu trung gian để đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng nhanh nhất. Nó là một mạng lưới kết nối nhiều hoạt động cùng tham gia vào việc sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ, chất lượng ngành càng nâng cao hơn nhờ những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại.
- d) lực lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ ngày càng đông hơn không phải do áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình hoạt động.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Mùa khô kéo dài thuận lợi cho bảo quản nông sản ở Tây Nguyên.	Đ	
b) Khí hậu của Tây Nguyên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.		S
c) Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên.	Đ	
d) Đầu tư nghiên cứu giống cây thích nghi với biến đổi khí hậu là giải pháp hiệu quả nhất trong việc chống hạn để phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay.		S

- a) Mùa khô kéo dài thuận lợi cho phơi khô bảo quản nông sản ở Tây Nguyên.
- b) Khí hậu của Tây Nguyên không có kiểu khí hậu ôn đới vì không có núi cao trên 2600m nên không thể thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
- c) Biến đổi khí hậu làm gia tăng dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên.
- d) Chống hạn để phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay phải xây dựng công trình thủy lợi phục vụ cho tưới tiêu về mùa khô.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a giảm liên tục qua các năm.		S
b) Giá trị xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a 2016 - 2020 tăng 5 tỉ đô la Mỹ.	Đ	
c) Giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a 2020 tăng 1,3 lần so với năm 2016.		S
d) Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2016 - 2020 tăng gần 117%.	Đ	

- a) Giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng giảm không đồng đều qua các năm.
- b) Giá trị xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a 2016 - 2020 : $206 - 201 = 5$ (tỉ đô la Mỹ) .
- c) Giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a 2020 so với 2016 : $211 : 181 \approx 1,17$ lần .
- d) Tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2016 - 2020 tăng gần 117%.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.**Câu 1.**

Đáp án:	2	5		
---------	----------	----------	--	--

$(18,6 + 15,3 + 23,4 + 24,8 + 26,8 + 31,4 + 30,6 + 29,9 + 29,0 + 26,2 + 26,0 + 17,8) : 12 \approx 25$ ($^{\circ}\text{C}$) .

Câu 2.

Đáp án:	2	4	3	
---------	----------	----------	----------	--

Cân bằng ẩm = Lượng mưa – Lượng bốc hơi $\rightarrow 1931 - 1688 = 243$ (mm)

Câu 3.

Đáp án:	6	2	,	8
---------	----------	----------	----------	----------

Tổng số dân = $36,6 + 61,9 = 98,5$ (triệu người)

Tỉ lệ dân nông thôn: $(61,9 : 98,5) \times 100 \approx 62,8$ (%)

Câu 4.

Đáp án:	3	,	4	
----------------	----------	----------	----------	--

Tỉ trọng xuất khẩu năm 2005 là: $(32,4 : 69,1) \times 100 = 46,88857 \%$.

Tỉ trọng xuất khẩu năm 2021 là: $(336,1 : 668,9) \times 100 = 50,24667 \%$.

Tỉ trọng xuất khẩu năm 2021 so với năm 2005 tăng: $50,24667 - 46,88857 \approx 3,4(\%)$.

Câu 5.

Đáp án:	1	,	5	
----------------	----------	----------	----------	--

Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng là: $6020,4 : 970,3 \approx 6,2$ tấn/ha ≈ 62 (tạ/ha).

Năng suất lúa của cả nước là: $43852,6 : 7238,9 \approx 6,05$ tấn/ha $\approx 60,5$ (tạ/ha).

Năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là: $62 - 60,5 \approx 1,5$ (tạ/ha).

Câu 6.

Đáp án:	4	0	,	6
----------------	----------	----------	----------	----------

Tỉ lệ diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là: $(929,6 : 3131,1) \times 100 = 29,68925 \%$.

Tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên của Bắc Trung Bộ năm 2021 là: $100 - 29,68925 = 70,31075 \%$.

Tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên của Bắc Trung Bộ năm 2021 nhiều hơn tỉ lệ diện tích rừng trồng:
 $70,31075 - 29,68925 \approx 40,6 \%$

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Lãnh thổ nước ta

A. có đường bờ biển dài từ Bắc vào Nam.

B. có vùng đất gấp nhiều lần vùng biển.

C. nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo.

D. chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển.

Câu 2. Biện pháp phòng chống bão ở nước ta?

A. Dự báo bão.

B. Đắp đê.

C. Xây đập thủy điện.

D. Xây dựng thủy lợi.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm đô thị hóa nước ta?

A. Đô thị hóa diễn ra nhanh.

B. Phổ biến lối sống thành thị.

C. Trình độ đô thị hóa cao.

D. Dân thành thị chiếm tỉ lệ cao.

Câu 4. Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Qui mô lớn và đang tăng.

B. Qui mô lớn và đang giảm.

C. Qui mô nhỏ và đang tăng.

D. Qui mô nhỏ và đang giảm.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

A. tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

B. số lượng tất cả các loài vật nuôi ở đều tăng ổn định.

C. hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.

D. sản xuất hàng hóa là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

Câu 6. Trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí ở nước ta cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề nào sau đây?

A. Thu hồi khí đồng hành.

B. Liên doanh với nước ngoài.

C. Tác động của thiên tai.

D. Các sự cố về môi trường.

Câu 7. Các loại hình giao thông vận tải nào sau đây ở nước ta có lợi thế hơn trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới?

A. Đường biển và đường sắt.

B. Đường bộ và đường sông.

C. Đường bộ và đường hàng không.

D. Đường không và đường biển.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng về ngành du lịch nước ta hiện nay?

A. Tài nguyên du lịch phong phú.

B. Đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn.

C. Coi trọng phát triển bền vững.

D. Chủ yếu phục vụ khách quốc tế.

Câu 9. Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có

A. lao động có truyền thống, kinh nghiệm.

B. khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.

C. nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng.

D. đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không đúng với Đồng bằng sông Hồng?

A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.

B. Số dân đông, mật độ cao nhất cả nước.

C. Dân số đông, mật độ cao gây nên sức ép lớn.

D. Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

Câu 11. Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải là

A. nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

B. tăng cường đánh bắt ở ven bờ, phòng chống thiên tai.

C. đảm bảo cân bằng, hài hoà giữa phát triển và bảo tồn.

D. kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với bảo vệ biển đảo.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng với Đông Nam Bộ?

A. Các vùng đất badan và đất xám phù sa cổ rộng lớn.

B. Các cao nguyên badan xếp tầng ở độ cao khác nhau.

C. Sản xuất theo kiểu quảng canh và đầu tư ít lao động.

D. Nông nghiệp sử dụng nhiều lao động, ít thâm canh.

Câu 13. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nào sau đây?

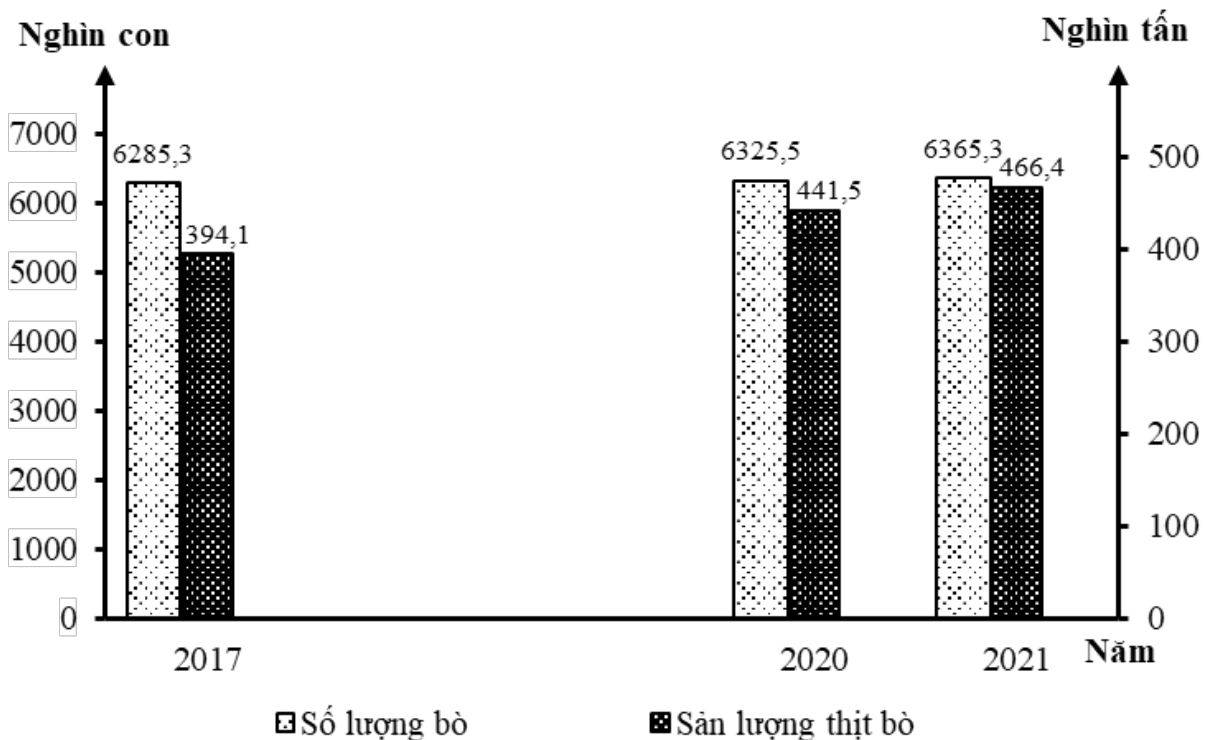
A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Du lịch.

D. Giao thông vận tải.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



SỐ LƯỢNG BÒ VÀ SẢN LƯỢNG THỊT BÒ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM 2017, 2020 VÀ 2021

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Số lượng giảm liên tục qua các năm.

B. Sản lượng thịt bò tăng 723 nghìn tấn.

C. Số lượng bò tăng, sản lượng thịt bò giảm.

D. Số lượng thịt bò tăng 81 nghìn con.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động nội thương của nước ta sau thời kì Đổi mới?

A. Mới hình thành hệ thống chợ.

B. Hình thành một thị trường thống nhất.

C. Hàng hoá ngày càng đa dạng.

D. Chất lượng hàng hóa ngày càng cao.

Câu 16. Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển theo hướng sản xuất hàng hóa ở Bắc Trung Bộ?

A. Mở rộng các cơ sở công nghiệp chế biến thủy sản.

B. Đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản.

C. Tăng cường phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.

D. Phát triển cơ sở hạ tầng kĩ thuật dịch vụ nghề cá.

Câu 17. Sự khác nhau về chế độ mưa giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của

- A.** bão, dải hội tụ nhiệt đới, Tín phong bán cầu Bắc và độ dốc các sườn núi.
- B.** gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam và các dãy núi hướng vòng cung.
- C.** vị trí gần hay xa biển và độ cao của các đỉnh núi, hướng của các dãy núi.
- D.** gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và địa hình vùng núi.

Câu 18. Biện pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** phân bổ phù hợp, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
- B.** nâng cao chất lượng, đẩy mạnh xuất khẩu.
- C.** phát triển chuyên canh, sử dụng giống tốt.
- D.** tăng diện tích, đảm bảo hợp lý nguồn nước.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tháng mưa cực đại ở Bắc Bộ là tháng VIII, ở Bắc Trung Bộ là tháng IX, ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ là tháng X - XI, ở Tây Nguyên và Nam Bộ lại là IX - X. Như vậy sự hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến là nguyên nhân gây mưa chính ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, còn ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ có thêm mưa địa hình và mưa frông.

- a)** Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi.
- b)** Nguyên nhân tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam là do sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới và bão.
- c)** Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do địa hình khuất gió.
- d)** Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

GDP	Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng		904 775	1 778 887	2 561 274	2 955 806
Dịch vụ		1 113 126	2 190 376	2 955 777	3 365 060
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		300 689	470 631	629 411	705 470

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

- a)** Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ ở nước ta tăng không liên tục.
- b)** Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.
- c)** Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ năm 2020 chiếm hơn 44,3% tổng GDP nước ta.
- d)** Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và của cả nước, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn con)

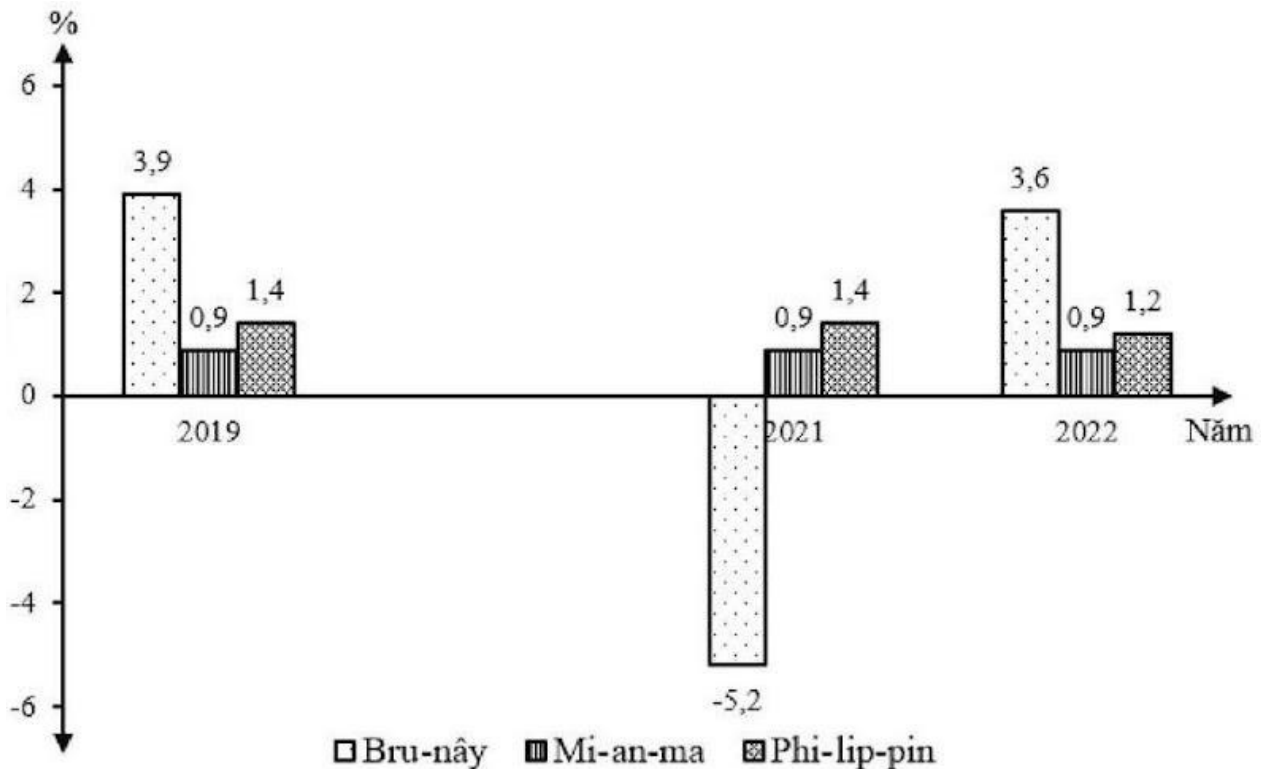
Năm	2018	2019	2020	2021
Trung du và miền núi phía Bắc	1391,2	1332,4	1293,9	1245,3
Cả nước	2486,9	2388,8	2332,8	2262,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a) Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục.
 b) Đàn trâu của vùng chiếm tỉ trọng cao trong cả nước.
 c) Vùng nuôi nhiều trâu vì phù hợp với điều kiện khí hậu.
 d) Giải pháp chủ yếu để phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:

TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2019 - 2022



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng dân số của một số quốc gia đông nam á giai đoạn 2019 - 2022?

- a) Tốc độ tăng dân số của Bru-nây luôn cao hơn Mi-an-ma.
 b) Tốc độ tăng dân số của Mi-an-ma không thay đổi qua các năm.
 c) Tốc độ tăng dân số của Phi-lip-pin ít hơn Mi-an-ma.
 d) Tốc độ tăng dân số năm 2022 Bru-nây cao hơn Mi-an-ma 2,7%.

PHẦN III: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	79,2	76,0	22,6	71,6	197,4	169,8	207,3	163,4	134,8	188,0	98,7	106,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên tính tổng số giờ nắng của Hà Nội năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại trạm quan trắc Quy Nhơn, năm 2021

(Đơn vị: Giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	108,4	203,9	260,0	260,7	312,0	270,5	224,1	283,6	184,4	142,1	78,9	101,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2021 là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ sinh của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu ‰ so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển bằng đường bộ ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	587,0	882,6	1 282,1	1 303,3
Khối lượng luân chuyển (tỉ tấn.km)	36,2	51,5	73,5	75,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Tính cự li vận chuyển trung bình của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của km)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Sản lượng lương thực có hạt của nước ta phân theo vùng, năm 2022

(Đơn vị: triệu tấn)

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Sản lượng	5,1	6,2	7,7	2,5	1,8	23,7

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết sản lượng lương thực có hạt của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm bao nhiêu % cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây lâu năm của nước ta phân theo nhóm cây, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2022
Cây lâu năm	2 010,5	2 154,5	2 185,8	2 193,0
Cây ăn quả	779,7	824,4	1 135,2	1 221,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Cho biết tốc độ tăng trưởng của cây ăn quả cao hơn tốc độ tăng trưởng của cây lâu năm bao nhiêu lần (coi năm 2010 = 100%)? (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

-----HẾT-----

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

BẢNG ĐÁP ÁN

1.A	2.A	3.B	4.A	5.B	6.D	7.D	8.D	9.B
10.D	11.B	12.A	13.B	14.B	15.A	16.B	17.D	18.A

Câu 1. Chọn A.

Việt Nam giáp biển Đông có đường bờ biển dài 3260km.

Câu 2. Chọn A.

Một trong biện pháp phòng chống bão là dự báo trước.

Câu 3. Chọn B.

Lối sống thành thị ngày càng phổ biến trong quá trình đô thị hóa.

Câu 4. Chọn A.

Nguồn lao động nước ta 50,6 triệu người chiếm 51,3% nên có quy mô lớn mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động.

Câu 5. Chọn B.

Ngành chăn nuôi có nhiều biến động tùy thuộc vào nhân tố thị trường.

Câu 6. Chọn D.

Sự cố tràn dầu thường gây tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng nên cần chú ý các sự cố về môi trường.

Câu 7. Chọn D.

Quá trình hội nhập khu vực và quốc tế nước ta cần đầu tư và phát triển đường biển và đường hàng không để thuận lợi trao đổi giữa các quốc gia.

Câu 8. Chọn D.

Ngành du lịch phục vụ khách trong nước và quốc tế có nhu cầu về du lịch.

Câu 9. Chọn B.

Khí hậu cận nhiệt đới và mùa đông lạnh quy định cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 10. Chọn D.

Đồng bằng sông Hồng là vùng ít tài nguyên khoáng sản.

Câu 11. Chọn B.

Hướng phát triển bền vững kinh tế biển là đánh bắt xa bờ để bảo vệ nguồn lợi.

Câu 12. Chọn A.

Loại đất chính ở Đông nam Bộ là đất badan và đất xám phù sa cổ.

Câu 13. Chọn B.

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua nhiệt độ và độ ẩm.

Câu 14. Chọn B.

Sản lượng thịt bò tăng $466,4 - 394,1 = 723$ nghìn tấn.

Câu 15. Chọn A.

Chợ hình thành từ rất sớm trong lịch sử loài người.

Câu 16. Chọn B.

Đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển theo hướng sản xuất hàng hóa ở Bắc Trung Bộ.

Câu 17. Chọn B.

Gió mùa tây nam, gió theo hướng đông bắc và địa hình vùng núi làm chế độ mưa giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc khác nhau

Câu 18. Chọn A.

Phân bố phù hợp, thay đổi cơ cấu mùa vụ là một trong những biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.**Câu 1.**

Nội dung	Đúng	Sai
a) Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi.		S
b) Nguyên nhân tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam là do sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới và bão.	Đ	
c) Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do địa hình khuất gió.		S
d) Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.		S

a) Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của gió mùa mùa hạ hướng tây nam và địa hình vùng núi.

- b) Dải hội tụ nhiệt đới và bão gây mưa nhiều cho khu vực phía nam vào giữa và cuối mùa hạ.
 c) Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do gió mùa và địa hình.
 d) Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Tây Thái Bình Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ ở nước ta tăng không liên tục.		S
b) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.		S
c) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ năm 2020 chiếm hơn 44,3% tổng GDP nước ta.	Đ	
d) Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2020.	Đ	

- a) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ ở nước ta tăng liên tục từ: 1113126; 2 190 376; 2955777; 3 365 060 tỉ đồng.
 b) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
 c) Giá trị sản xuất của ngành dịch vụ năm 2020 chiếm hơn $(3\,365\,060 : 7592323 = 44,3\%)$ tổng GDP nước ta.
 d) Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu từ 4 năm trở lên 2010 – 2020.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục.		S
b) Đàn trâu của vùng chiếm tỉ trọng cao trong cả nước.	Đ	
c) Vùng nuôi nhiều trâu vì phù hợp với điều kiện khí hậu.	Đ	
d) Giải pháp chủ yếu để phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.	Đ	

- a) Đàn trâu có xu hướng giảm liên tục.
 b) Vùng có khí hậu lạnh, trâu chịu lạnh tốt nên trâu được nuôi nhiều vì vậy vùng chiếm tỉ trọng đàn trâu cao trong cả nước.
 c) Vùng nuôi nhiều trâu vì phù hợp với điều kiện khí hậu lạnh.
 d) Giải pháp chủ yếu để phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi (theo định hướng của vùng sgk)

Câu 4:

Nội dung	Đúng	Sai
a) Tốc độ tăng dân số của Bru-nây luôn cao hơn Mi-an-ma.		S
b) Tốc độ tăng dân số của Mi-an-ma không thay đổi qua các năm.	Đ	
c) Tốc độ tăng dân số của Phi-lip-pin ít hơn Mi-an-ma.		S
d) Tốc độ tăng dân số năm 2022 Bru-nây cao hơn Mi-an-ma 2,7%.	Đ	

- a) Tốc độ tăng dân số của Bru-nây năm 2021 thấp hơn Mi-an-ma.
 b) Tốc độ tăng dân số của Mi-an-ma là 0,9 không thay đổi qua các năm.
 c) Tốc độ tăng dân số của Phi-lip-pin luôn cao hơn Mi-an-ma.
 d) Tốc độ tăng dân số năm 2022 Bru-nây cao hơn Mi-an-ma 2,7%.

PHẦN III: Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1.

Đáp án:	1	5	1	5
---------	----------	----------	----------	----------

Tổng số giờ nắng của Hà Nội năm 2021
 $79,2+76,0+22,6+71,6+197,4+169,8+207,3+163,4+134,8+188,0+98,7+106,6 \approx 1515$ (giờ)

Câu 2.

Đáp án:	2	0	3	
---------	----------	----------	----------	--

Đáp án: $(108,4+203,9+260,0+260,7+312,0+270,5+224,1+283,6+184,4+142,1+78,9+101,9) : 12 \approx 203$.

Câu 3.

Đáp án:

1	,	9	
---	---	---	--

Tỉ lệ sinh của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010
 $17,1 - 15,2 = 1,9\%$

Câu 4.

Đáp án:

5	7	,	8
---	---	---	---

Cự li vận chuyển trung bình của nước ta năm 2021: $75300 : 1303,3 \approx 57,8$

Câu 5.

Đáp án:

5	0	,	4
---	---	---	---

- Tổng sản lượng lương thực có hạt của cả nước là: $5,1 + 6,2 + 7,7 + 2,5 + 1,8 + 23,7 = 47$ (triệu tấn).
 - Sản lượng lương thực có hạt của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm % so với cả nước là:
 $(23,7 : 47) \times 100 \approx 50,4\%$

Câu 6.

Đáp án:

1	,	4	
---	---	---	--

- Tốc độ tăng trưởng của cây lâu năm là: $(2193,0 : 2010,5) \times 100 = 109,0773 \%$
 - Tốc độ tăng trưởng của cây ăn quả là: $(1221,4 : 779,7) \times 100 = 156,65 \%$
 - Tốc độ tăng trưởng của cây ăn quả cao hơn tốc độ tăng trưởng của cây lâu năm số lần là:
 $156,65 : 109,0773 \approx 1,4\%$

-----HẾT-----

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025
MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

- A. Á-Âu và Bắc Băng Dương. B. Á-Âu và Đại Tây Dương.
 C. Á-Âu và Ấn Độ Dương. D. Á-Âu và Thái Bình Dương.

Câu 2. Biểu hiện nào sau đây là quá trình xâm thực của địa hình ở các vùng thềm phù sa cổ?

- A. Bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng.
 B. Hình thành cao nguyên và sơn nguyên bằng phẳng.
 C. Hình thành các hang động, suối cạn và thung khô.
 D. Bị chia cắt thành những đồng bằng vùng trước núi.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây không phải là biểu hiện của quá trình đô thị hóa?

- A. Tỉ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng. B. Dân cư thành thị có xu hướng tăng.
 C. Dân cư tập trung vào thành phố lớn. D. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

Câu 4. Tỉ lệ lao động so với tổng số dân của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %?

- A. 50,3% B. 51,3% C. 61,3% D. 59,3%

Câu 5. Vùng nào sau đây có nghề nuôi tôm phát triển nhất nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
 C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 6. Nhà máy lọc dầu được xây dựng đầu tiên ở nước ta là

- A. Nghi Sơn. B. Bình Sơn. C. Côn Sơn. D. Dung Quất.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất tới việc thi công và hoạt động của các tuyến đường bộ ở nước ta?

- A. Dân cư. B. Thị trường. C. Khí hậu. D. Địa hình.

Câu 8. Sự phát triển của ngành nội thương thể hiện rõ rệt qua

- A. lao động tham gia trong ngành nội thương. B. lực lượng các cơ sở buôn bán.
 C. tổng mức bán lẻ của hàng hóa. D. các mặt hàng buôn bán ở các chợ.

Câu 9. Khu vực có điều kiện tự nhiên phù hợp để trồng cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. vùng núi giáp biên giới.

B. vùng đồi trung du.

C. các cao nguyên đá vôi.

D. các đồng bằng giữ núi.

Câu 10. Biểu hiện nào sau đây cho thấy đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước?

A. Có những trung tâm công nghiệp nằm gần nhau.

B. Có các trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất.

C. Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất.

D. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh dân số Duyên hải Nam Trung Bộ với Bắc Trung Bộ?

A. Quy mô dân số lớn hơn.

B. Mật độ dân số cao hơn.

C. Tỉ lệ dân thành thị cao hơn.

D. Tỉ lệ dân nông thôn cao hơn.

Câu 12. Thế mạnh ở Đông Nam Bộ đối với khai thác khoáng sản là

A. thêm lục địa rộng lớn với trữ lượng lớn dầu mỏ, khí tự nhiên.

B. biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

C. biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

D. vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

Câu 13. Gió mùa Đông Bắc hoạt động vào thời gian nào sau đây?

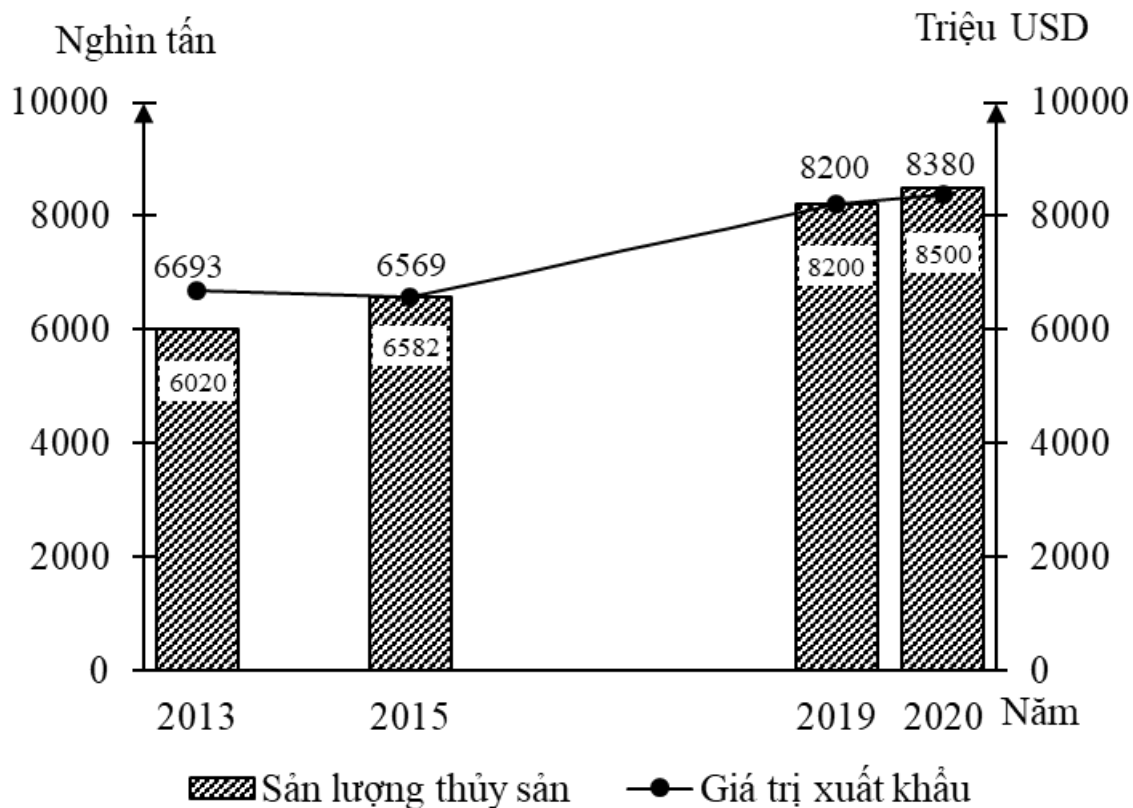
A. Thu - đông.

B. Tháng 5 đến tháng 10.

C. Tháng 11 đến tháng 4.

D. Mùa đông.

Câu 14. Cho biểu đồ



SẢN LƯỢNG, GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2013 - 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Sản lượng thủy sản giảm liên tục qua các năm.

B. Giá trị xuất khẩu thủy sản từ năm 2013 đến 2015 tăng mạnh.

C. Sản lượng thủy sản từ năm 2013- đến 2020 tăng liên tục.

D. Giá trị xuất khẩu thủy sản tăng liên tục qua các năm.

Câu 15. Đặc điểm địa hình, khí hậu nước ta tác động rõ nhất đến sự phát triển của các ngành dịch vụ nào sau đây?

- A. Thương mại, du lịch. B. Giao thông, du lịch.
C. Giao thông, viễn thông. D. Thương mại, viễn thông.

- Câu 16.** Việc trồng rừng ở thượng nguồn các con sông ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?
A. Cung cấp gỗ cho xuất khẩu, bảo vệ bờ biển. B. Bảo vệ đa dạng sinh học, chống bão lớn.
C. Tạo môi trường sống cho loài sinh vật biển. D. Giữ đất, hạn chế lũ quét, chống xói mòn.
- Câu 17.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên đặc điểm cơ bản của tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là do
A. Gió mùa Đông Bắc giảm sút, vị trí địa lí, ngoại lực có tác động mạnh.
B. Địa hình núi cao, gió mùa Đông Bắc giảm sút, các quá trình ngoại lực.
C. Vận động kiến tạo, gió mùa Đông Bắc giảm sút, đặc điểm vị trí địa lí.
D. Vận động kiến tạo, vị trí địa lí, tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 18.** Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. đẩy mạnh thâm canh, liên kết vùng sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu.
B. mở rộng diện tích đất trồng, đảm bảo nước tưới, thu hút nguồn đầu tư.
C. áp dụng khoa học công nghệ, phát triển chế biến, sử dụng giống mới.
D. quy hoạch vùng sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Lượng bốc hơi cũng như mọi yếu tố trong khí hậu gió mùa, đều có nhịp điệu mùa. Ở Bắc Bộ, do gió mùa đông bắc vừa hạ thấp nhiệt độ, vừa mang lại nhiều mây và mưa nhỏ, nhất là vào cuối mùa đông, nên lượng bốc hơi cao nhất vào mùa hạ, chủ yếu vào đầu mùa (tháng V, VI, VII), ngoài ra là vào mùa thu (tháng X, XI), còn lượng bốc hơi giảm vào mùa đông, cực tiểu vào các tháng mưa phùn (II, III).

- a) Các tháng đầu và cuối mỗi mùa đều có lượng mưa nhỏ hơn.
b) Mùa khô ở Bắc Bộ không sâu sắc như Nam Bộ do có mưa phùn cuối đông.
c) Cân bằng ẩm của nước ta luôn dương do lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi.
d) Các yếu tố làm tăng cường sức bốc hơi cho Bắc Trung Bộ là gió, địa hình, thảm thực vật.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn người.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14271,1	34189,2	36379,3	25781,4
Quốc tế	27797,3	33666,8	41023,5	8343,5

- a) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không của nước ta trong giai đoạn 2015 - 2020 tăng.
b) Khách luân chuyển trong nước bằng đường hàng không luôn cao hơn và tăng nhanh hơn khách quốc tế.
c) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không có biến động mạnh do tác động của đại dịch Covid-19.
d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2020.

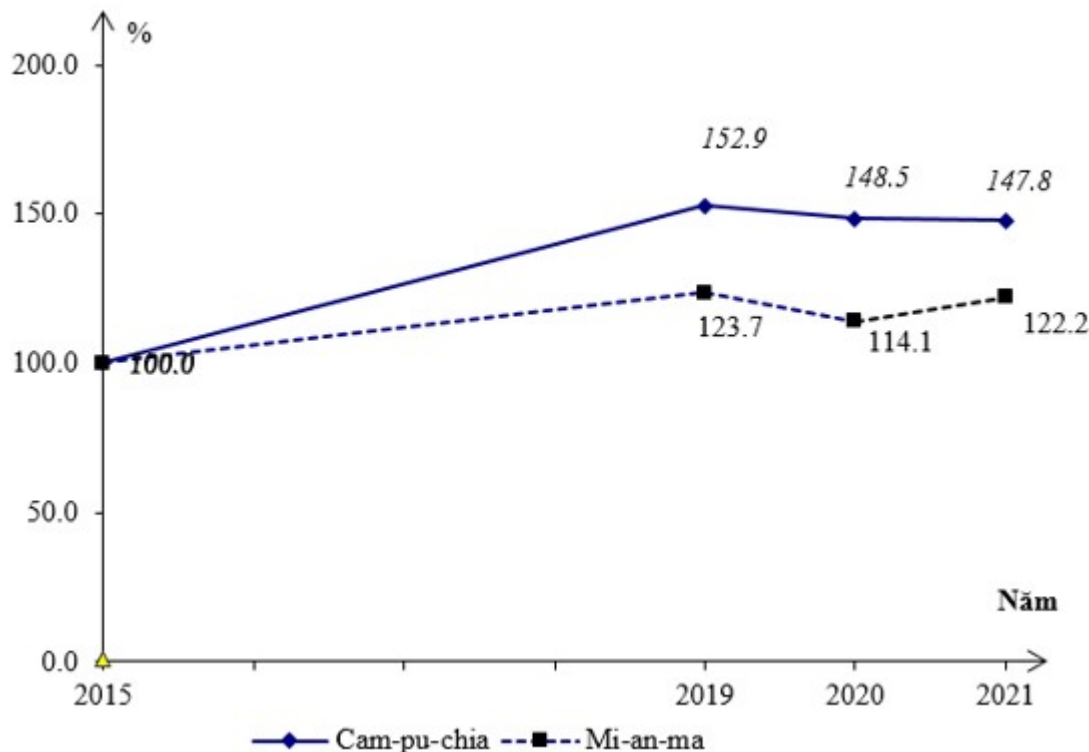
Câu 3. Cho thông tin sau:

Phát triển nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ. Đồng bằng sông Cửu Long trở thành thương hiệu quốc tế về du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch biển.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng gió và Mặt Trời.
b) Phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản góp phần nâng cao giá trị nông sản, tạo hàng hóa, đáp ứng thị trường.
c) Các ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có nguồn nguyên liệu dồi dào từ tự nhiên.

d) Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thích ứng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, khai thác lợi thế về đất đai.

Câu 4. Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA VÀ MI-AN-MA GIAI ĐOẠN 2015-2021

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia tăng liên tục từ năm 2015 đến năm 2021.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng 47,8 %.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng nhiều hơn Mi-an-ma

3 lần.

PHẦN III. Trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí các tháng trong năm 2021 tại Huế.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,2	22,8	20,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính nhiệt độ trung bình năm của Huế (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại Huế

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mưa (mm)	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính lượng mưa trung bình năm của Huế (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3 (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Hãy tính tỉ số giới tính chênh lệch của Tiền Giang qua 2 năm (làm tròn đến số thập phân thứ nhất).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022

(Đơn vị: tỉ đô la Mỹ)

Năm	2022
Khu vực kinh tế trong nước	95,4
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	275,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Tính chênh lệch giá trị xuất khẩu phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022 đạt bao nhiêu lần? (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	676,8	457,8	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2015,5	2150,5	2185,8	2200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Diện tích cây công nghiệp lâu năm chiếm bao nhiêu % diện tích cây công nghiệp nước ta năm 2021 %? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2023

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
Nuôi trồng	204,182	109,654
Khai thác	541,564	1219,542

(Nguồn: Niên giám thống kê 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Tính tổng sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ chênh lệch với Bắc Trung Bộ bao nhiêu lần? (làm tròn đến hàng đơn vị)

.....HẾT.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

BẢNG ĐÁP ÁN

1.D	2.A	3.A	4.B	5.C	6.D	7.D	8.C	9.A
10.C	11.C	12.A	13.C	14.C	15.B	16.D	17.C	18.C

Câu 1. Chọn D.

Việt Nam vị trí gần liền lục địa Á- Âu, tiếp giáp biển Đông và thông ra Thái Bình Dương rộng lớn.

Câu 2. Chọn A.

Vùng thềm phù sa cổ khi mưa nhiều xảy ra xâm thực sẽ hình thành các dạng địa hình đồi thấp xen thung lũng rộng.

Câu 3. Chọn A.

Quá trình đô thị hóa đặc trưng bởi tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh.

Câu 4. Chọn B.

Năm 2021 lực lượng lao động của cả nước là 50,6 triệu người chiếm 51,3 % tổng số dân.

Câu 5. Chọn C.

Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích mặt nước lớn thuận lợi cho nuôi tôm.

Câu 6. Chọn D.

Dung Quất là nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta được xây dựng thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Câu 7. Chọn D.

Địa hình nước ta $\frac{3}{4}$ là đồi núi nên gây khó khăn trong công tác thiết kế các tuyến đường đặc biệt là đường bộ.

Câu 8. Chọn C.

Tổng mức bán lẻ của từng khu vực, từng vùng thể hiện sự phát triển của ngành nội thương giá trị càng cao chứng tỏ càng có mức phát triển mạnh.

Câu 9. Chọn A.

Ở vùng núi cao khí hậu mát mẻ thuận lợi cho việc trồng các cây dược liệu.

Câu 10. Chọn C.

Đồng bằng sông Hồng có nhiều trung tâm công nghiệp nhất với Hà Nội là trung tâm lớn nhất từ đó tỏa đi ra các hướng theo các trục giao thông huyết mạch.

Câu 11. Chọn C.

Tỉ lệ dân thành thị của Duyên hải Nam Trung Bộ chiếm đến 40,7% trong khi đó Bắc Trung Bộ chỉ có 25%.

Câu 12. Chọn A.

Đông Nam Bộ là vùng có trữ lượng dầu khí lớn nhất cả nước.

Câu 13. Chọn C.

Gió Đông Bắc hoạt động từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau

Câu 14. Chọn C.

Sản lượng thủy sản tăng từ 6693 nghìn tấn (2013) tăng lên 8380 nghìn tấn (2020) và tăng liên tục qua các năm.

Câu 15. Chọn B.

Khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng, vận hành các tuyến giao thông và sự phát triển du lịch đặc biệt vào mùa mưa.

Câu 16. Chọn D.

Trồng rừng ở thượng nguồn sông sẽ giúp giảm bớt sự xâm thực, giảm sức nước đặc biệt vào mùa mưa lũ. Từ đó bảo vệ nguồn đất chống xói mòn.

Câu 17. Chọn C.

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng của mảng nền Vân Nam Trung Quốc nâng cao, đồng thời chịu tác động của gió Đông Bắc mặc dù đã suy yếu.

Câu 18. Chọn C.

Việc áp dụng khoa học công nghệ đã góp phần nâng cao năng suất cây ăn quả, công nghiệp chế biến làm tăng chất lượng và giá trị của sản phẩm, các loại giống cây ăn trái mới có năng suất rất cao từ đó tạo ra thương hiệu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng hoặc sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Các tháng đầu và cuối mỗi mùa đều có lượng mưa nhỏ hơn		S
b) Mùa khô ở Bắc Bộ không sâu sắc như Nam Bộ do có mưa phùn cuối đông.	Đ	
c) Cân bằng ẩm của nước ta luôn dương do lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi.	Đ	
d) Các yếu tố làm tăng cường sức bốc hơi cho Bắc Trung Bộ là gió, địa hình, thảm thực vật.	Đ	

a) Lượng mưa khác nhau giữa đầu và cuối mùa hạ.

b) Cuối mùa đông do gió Đông Bắc di chuyển qua biển nên có lượng hơi ẩm nhỏ tạo nên mưa phùn.

c) Lượng cân bằng ẩm bằng lượng mưa trừ cho lượng bốc hơi vì lượng mưa nước ta lớn hơn lượng bốc hơi nên cân bằng ẩm luôn dương.

d) Vào thời kì gió Phơn hoạt động cũng làm tăng lượng bốc hơi của vùng.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không của nước ta trong giai đoạn 2015 - 2020 tăng.	S	
b) Khách luân chuyển trong nước bằng đường hàng không luôn cao hơn và tăng nhanh hơn khách quốc tế.		S
c)) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không có biến động mạnh do tác động	Đ	

của đại dịch Covid-19.		
d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không ở nước ta, giai đoạn 2015 – 2020.	Đ	

- a) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không của nước ta trong giai đoạn 2015 - 2020 giảm từ 42.068,4 xuống còn 34.124,9 nghìn người.km.
b) Khách luân chuyển trong nước bằng đường hàng không năm 2015, 2018, 2019 thấp hơn khách quốc tế.
c) Đại dịch Covid-19 đã làm cho Số lượt khách luân chuyển, vận chuyển của tất các loại đường đều giảm.
d) Để thể hiện cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không và bảng số liệu có 4 năm thì dạng biểu đồ thích hợp nhất là dạng biểu đồ miền.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng gió và Mặt Trời.	Đ	
b) Phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản góp phần nâng cao giá trị nông sản, tạo hàng hóa, đáp ứng thị trường.	Đ	
c) Các ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có nguồn nguyên liệu dồi dào từ tự nhiên.		S
d) Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thích ứng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, khai thác lợi thế về đất đai.		S

- a) Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng gió và Mặt Trời vì tận dụng lợi thế có 3 mặt giáp biển và gần xích đạo.
b) Sản phẩm nông, thủy sản nhờ công nghiệp chế biến đã nâng cao giá trị nông sản, tạo hàng hóa, đáp ứng thị trường đặc biệt ngày càng xây dựng các thương hiệu bền vững.
c) Các ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có nguồn nguyên liệu từ ngành nông, thủy sản.
d) Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thích ứng xu thế hội nhập của nền kinh tế toàn cầu.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia tăng liên tục từ năm 2015 đến năm 2021.	Đ	
b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia tăng nhanh hơn Mi-an-ma.	Đ	
c) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng 47,8 %.	Đ	
d) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng nhiều hơn Mi-an-ma 3 lần.		S

- a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia tăng liên tục từ năm 2015 100% đến năm 2021 đạt 147,8% và tăng liên tục qua các năm.
b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng 47,8 % Mi-an-ma tăng 22,2%.
c) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng 47,8 % ($147,8 - 100 = 47,8\%$)
d) Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Cam-Pu- Chia từ năm 2015 đến 2021 tăng nhiều hơn Mi-an-ma ($47,8 : 22,2 = 2,15$ lần).

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1.

Đáp án:	2	5	,	5
----------------	----------	----------	----------	----------

Tính nhiệt độ trung bình năm của Huế bằng nhiệt độ các tháng cộng lại chia 12
 $(18,2 + 21,1 + 24,3 + 26,8 + 29,4 + 30,6 + 30,0 + 30,5 + 27,2 + 25,2 + 22,8 + 20,4) : 12 = 25,5$

Câu 2.

Đáp án:	3	2	1	
---------	---	---	---	--

Lượng mưa trung bình năm của Huế bằng tổng lượng mưa các tháng cộng lại chia 12
 $(190,3 + 61,1 + 112,4 + 68,6 + 17,0 + 32,0 + 27,0 + 52,6 + 535,6 + 1438,3 + 825,9 + 490,4) : 12 = 320,9$ (làm tròn 321)

Câu 3.

Đáp án:	0	,	2	
---------	---	---	---	--

Tỉ số giới tính chênh lệch sau khi trừ
 $96,3 - 96,1 = 0,2 \%$

Câu 4.

Đáp án:	2	,	9	
---------	---	---	---	--

Chênh lệch giá trị xuất khẩu số lần sau khi chia là
 $275,9 : 95,4 = 2,89$ (làm tròn 2,9)

Câu 5.

Đáp án:	8	3	,	8
---------	---	---	---	---

Tổng diện tích cây công nghiệp năm 2021: $425,9 + 2200,2 = 2626,1$ nghìn ha
 Tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm năm 2021: $(2200,2 : 2626,1) \times 100 = 83,78$ (làm tròn 83,8)

Câu 6.

Đáp án:	1	,	8	
---------	---	---	---	--

Tổng sản lượng thủy của BTB: $204,182 + 541,564 = 745,746$
 Tổng sản lượng thủy của NTB: $109,654 + 1219,542 = 1.329,196$
 Chênh lệch: $1.329,196 : 745,746 = 1,78$ (làm tròn 1,8 lần)

.....HẾT.....

ĐỀ 10

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nước ta có vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. quanh năm có gió Tây hoạt động thổi xuyên suốt.
- B. có khí hậu khác với các nước cùng vĩ độ.
- C. có tài nguyên khoáng sản phong phú, sinh vật đa dạng.
- D. nhận được lượng bức xạ lớn, nên nhiệt độ trung bình cao.

Câu 2. Bão ở nước ta thường gây thiệt hại lớn nhất cho vùng nào sau đây?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng ven biển miền Trung.

Câu 3. Mạng lưới đô thị nước ta rất đa dạng năm 2021 cả nước có 479 đô thị và chia thành các loại

- A. đô thị đặc biệt và loại 1, 2, 3.
- B. đô thị đặc biệt và loại 1, 2, 3, 4, 5
- C. đô thị thuộc trung ương và loại 1, 2, 3, 4.
- D. đô thị thuộc trung ương và đô thị đặc biệt.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có ít dân tộc ít người.
- B. Gia tăng tự nhiên rất cao.
- C. Dân tộc Hoa là đông nhất.
- D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 5. Vùng nào sau đây có diện tích cây chè nhiều nhất nước ta?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 6. Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phát triển đi trước một bước?

- A. Điện tử.
- B. Hóa chất.
- C. Cơ khí.
- D. Năng lượng.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây đúng đối với mạng lưới giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia.

- B. Các tuyến Đông – Tây là trục giao thông chính của nước ta.
 C. Chưa hình thành các đầu mối giao thông quan trọng đầu mối của hai miền Nam- Bắc.
 D. Đường Hồ Chí Minh có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế- xã hội ở phía đông nước ta.

Câu 8. Nhân tố nào sau đây thúc đẩy việc nâng cao chất lượng dịch vụ mà mở rộng loại hình dịch vụ?

- A. Lao động. B. Thị trường. C. Ngành kinh tế. D. Vị trí địa lí.

Câu 9. Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào sau đây?

- A. Đất badan màu mỡ ở vùng đồi trước núi. B. Đất cát pha ở các đồng bằng ven biển.
 C. Dân có kinh nghiệm chinh phục tự nhiên. D. Có một số cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây thể hiện thuận lợi về mặt xã hội để Đồng bằng sông Hồng tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài?

- A. Lao động đông và có chất lượng cao nhất nước.
 B. Cơ sở hạ tầng tốt vào loại bậc nhất của cả nước.
 C. Môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều thuận lợi.
 D. Kinh tế hàng hóa phát triển với nhiều trung tâm lớn.

Câu 11. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. B. Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng.
 C. Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng. D. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Câu 12. Nhận định nào sau đây đúng với thế mạnh kinh tế - xã hội để phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất nước ta.
 B. Tỷ lệ dân cư thấp nên không gây sức ép tới vấn đề việc làm.
 C. Mật độ trung tâm công nghiệp dày đặc nhất cả nước.
 D. Là địa bàn thu hút đông đảo lao động có chuyên môn cao.

Câu 13. Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
 C. Gió phơn Tây Nam. D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 14. Cho biểu đồ



(Nguồn: gso.gov.vn)

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GDP NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NĂM 2015 VÀ 2020

- A. Tỷ trọng của kinh tế Nhà nước tăng.
 B. Tỷ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước giảm.
 C. Tỷ trọng của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
 D. Kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước đều tăng.

Câu 15. Tốc độ phát triển và đa dạng hóa cơ cấu ngành dịch vụ không phải do yếu tố nào sau đây?

- A. Lực lượng lao động dồi dào. B. Năng suất làm việc cải thiện.
 C. Trình độ lao động tăng lên. D. Quá trình đô thị hóa chậm.

- Câu 16.** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở Bắc Trung Bộ là
- khai thác hợp lý tự nhiên, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa.
 - đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.
 - đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất, gắn liền các lãnh thổ với nhau.
 - khai thác thế mạnh mỗi vùng, tạo sự liên kết sản xuất lãnh thổ.
- Câu 17.** Rừng cây họ Dầu ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh mẽ chủ yếu là do
- đất phèn, mặn chiếm diện tích lớn.
 - khí hậu cận xích đạo, mùa khô rõ rệt.
 - mưa nhiều, nhiệt độ quanh năm cao.
 - nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.
- Câu 18.** Đồng bằng sông Cửu Long chú trọng trồng lúa chất lượng cao chủ yếu nhằm
- thích ứng biến đổi khí hậu, tạo năng suất cao.
 - phát huy các lợi thế, mở rộng hàng xuất khẩu.
 - tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi cơ cấu sản xuất.
 - đảm bảo an ninh lương thực, ổn định đời sống.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng nhu cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

- Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ.
- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.
- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.
- Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng ôn đới.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa trung bình của các phương tiện vận tải của Việt Nam, năm 2020

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường sắt	5 216,3	3 818,9
Đường ô tô	1 307 887,1	75 162,9
Đường sông	244 708,2	51 630,3
Đường biển	69 639,0	152 277,2
Đường hàng không	272,4	528,4
Tổng số	1627713	283417,7

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, năm 2021)

- Đường hàng không có khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển lớn nhất.
- Đường biển có khối lượng vận chuyển lớn thứ ba và khối lượng luân chuyển lớn nhất.
- Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cụ thể vận chuyển trung bình của các phương tiện vận tải nước ta năm 2020.
- Đường ô tô có khối lượng vận chuyển lớn nhất do phạm vi vận chuyển rộng nhất.

Câu 3. Cho thông tin sau:

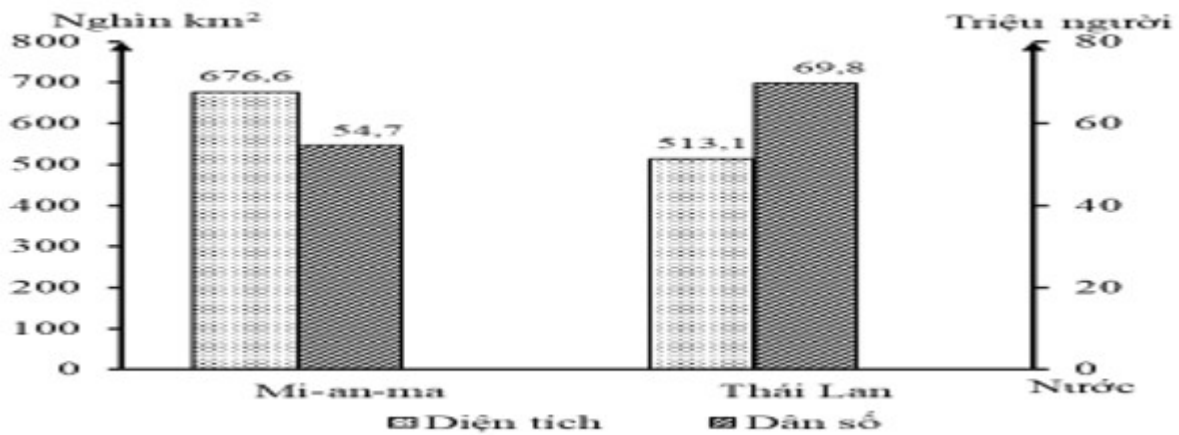
Sản xuất lương thực là ngành giữ vai trò quan trọng nhất trong nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2021, vùng chiếm khoảng 50% cả về diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực có hạt của cả nước. Bình quân lương thực đầu người của vùng đạt 405,1 kg, gấp hơn 2,8 lần mức bình quân của cả nước.

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có năng suất lúa cao hơn trung bình của cả nước.
- Hiện nay Đồng bằng sông Cửu Long đã sản xuất được nhiều giống gạo có chất lượng tốt để xuất khẩu.

c) Xây dựng thương hiệu nông sản ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa chủ yếu là nâng cao giá trị sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.

d) Giải pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long là khai hoang vùng rừng ngập mặn, đẩy mạnh thâm canh ở vùng đất phèn.

Câu 4. Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MI-AN-MA VÀ THÁI LAN NĂM 2020

- Diện tích của Mi –an-ma lớn hơn diện tích của Thái Lan.
- Dân số của Thái Lan nhiều hơn của Mi-an –ma.
- Dân số Thái Lan gấp Mi-an-ma 1,4 lần.
- Diện tích của Mi-an-ma nhiều hơn Thái Lan 165,5 nghìn km².

PHẦN III. Trả lời ngắn

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước các tháng của sông Hồng tại trạm Sơn Tây

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng nước	1 270	1 070	910	1 060	1 880	4 660	7 630	9 040	6 580	4 070	2 760	1 690

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình các tháng trong năm 2022 tại Cà Mau

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính lượng tổng mưa của Cà Mau (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021

Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5

Tính tốc độ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999 – 2021? (làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Cho bảng số liệu:

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực
giai đoạn 2012 - 2021**

(Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)

Năm	2012	2015	2020	2021
Khu vực				
Tổng số	4073,8	5191,3	8044,4	8479,7

Tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta từ 2012 đến 2021 tăng bao nhiêu %? (làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Tổng diện tích rừng và rừng tự nhiên ở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tổng diện tích rừng	2874,4	2561,9	2565,0	2572,1
Trong đó: Rừng tự nhiên	2653,9	2246,0	2179,8	2104,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng trồng của vùng Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2023

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
Nuôi trồng	204,182	109,654
Khai thác	541,564	1219,542

(Nguồn: Niên giám thống kê 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Tính tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng của Duyên hải Nam Trung Bộ chênh lệch với Bắc Trung Bộ bao nhiêu nghìn tấn? (làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)

.....HẾT.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

BẢNG ĐÁP ÁN

1.D	2.D	3.B	4.D	5.A	6.D	7.A	8.B	9.A
10.A	11.D	12.D	13.B	14.B	15.D	16.D	17.B	18.C

Câu 1. Chọn D.

Với vị trí nội chí tuyến mọi nơi của nước ta đều có 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh nên nhận lượng bức xạ lớn nên nhiệt độ trung bình cao.

Câu 2. Chọn D.

Bão kèm theo mưa to gây ngập lụt các vùng đồng bằng đặc biệt là đồng bằng ven biển miền Trung.

Câu 3. Chọn B.

Nước ta có 2 đô thị đặc biệt và các đô thị loại 1,2,3,4,5.

Câu 4. Chọn D.

Quy mô dân số nước ta đứng thứ 15 thế giới, thứ 3 khu vực Đông Nam Á (2021).

Câu 5. Chọn A.

Vùng chuyên canh chè lớn nhất cả nước là vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 6. Chọn D.

Công nghiệp năng lượng có phát triển thì tất cả các ngành còn lại mới có thể phát triển.

Câu 7. Chọn A.

Hiện nay dưới sự huy động vốn nhà nước và nhân dân cùng làm hệ thống các tuyến đường bộ đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia.

Câu 8. Chọn B.

Thị trường đa dạng sẽ thúc đẩy mở ra nhiều loại hình dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu.

Câu 9. Chọn A.

Vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có diện tích đất đỏ badan tuy không lớn nhưng khá màu mỡ thích hợp để vùng trồng các loại cây công nghiệp lâu năm.

Câu 10. Chọn A.

Đồng bằng sông Hồng là vùng có nhiều điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài đặc biệt là lao động đông đảo và chất lượng cao.

Câu 11. Chọn D.

Hoàng Sa thuộc Đà Nẵng, Trường Sa thuộc Khánh Hòa.

Câu 12. Chọn D.

Đồng Nam Bộ là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế xã hội nên thu hút được lực lượng lao động đông đảo từ khắp cả nước về đây làm việc đặc biệt tập trung lao động có trình độ chuyên môn cao.

Câu 13. Chọn B.

Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính gây ra mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên khi gió mùa mùa hạ suy yếu.

Câu 14. Chọn B.

Tỉ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước giảm nhẹ từ 48% xuống còn 47,3%.

Câu 15. Chọn D.

Tốc độ phát triển và đa dạng hóa cơ cấu ngành dịch vụ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa nhanh gắn liền với công nghiệp hóa.

Câu 16. Chọn D.

Cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở Bắc Trung Bộ góp phần khai thác thế mạnh của vùng biển, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi trước núi, vùng đồi núi ở phía tây để mang lại hiệu quả kinh tế và tạo tính liên tục theo không gian.

Câu 17. Chọn B.

Cây họ Dầu là cây ưa nhiệt nên thích hợp với khí hậu cận xích đạo của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 18. Chọn C.

Lúa chất lượng cao sẽ có giá trị sản phẩm cao góp phần tăng hiệu quả kinh tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng hoặc sai.

Câu 1.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ.	Đ	
b) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.	Đ	
c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.		S
d) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng ôn đới.		S

a) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, quá trình feralit dẫn đến đất đai màu mỡ.

b) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nhiệt ẩm cao tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.

c) Tuy nhiên thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nhiệt ẩm cao cũng gây nhiều dịch bệnh rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

d) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới.

Câu 2.

Nội dung	Đúng	Sai
----------	------	-----

a) Đường hàng không có khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển lớn nhất.		S
b) Đường biển có khối lượng vận chuyển lớn thứ ba và khối lượng luân chuyển lớn nhất.	Đ	
c) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cụ li vận chuyển trung bình của các phương tiện vận tải nước ta năm 2020.	Đ	
d) Đường ô tô có khối lượng vận chuyển lớn nhất do phạm vi vận chuyển rộng nhất.		S

- a) Đường biển có khối lượng luân chuyển lớn nhất. Đường ô tô có khối lượng lớn nhất.
b) Đường biển có khối lượng vận chuyển lớn thứ ba và khối lượng luân chuyển lớn nhất.
c) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cụ li vận chuyển trung bình của các phương tiện vận tải nước ta năm 2020 vì chỉ có biểu đồ cột mới thể hiện giá trị thực của đối tượng.
d) Đường ô tô có khối lượng vận chuyển lớn nhất do có thể kết hợp với nhiều loại hình vận tải, do tính cơ động linh hoạt chở được nhiều loại hàng hóa chi phí rẻ.

Câu 3.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có năng suất lúa cao hơn trung bình của cả nước.	Đ	
b) Hiện nay Đồng bằng sông Cửu Long đã sản xuất được nhiều giống gạo có chất lượng tốt để xuất khẩu.	Đ	
c) Xây dựng thương hiệu nông sản ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa chủ yếu là nâng cao giá trị sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.	Đ	
d) Giải pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long là khai hoang vùng rừng ngập mặn, đẩy mạnh thâm canh ở vùng đất phèn.		S

- a) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có năng suất lúa cao hơn trung bình của cả nước năm 2022 đạt 62,3 tạ /ha
b) Hiện nay Đồng bằng sông Cửu Long đã sản xuất được nhiều giống gạo có chất lượng tốt như RTV, OM18, Đài Thơm, ST24 để xuất khẩu.
c) Các thương hiệu gạo kể trên đã tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị lớn và bền vững cho vùng nói riêng và cả nước nói chung.
d) Biện pháp tăng sản lượng bền vững là đẩy mạnh thâm canh tăng vụ nhờ áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

Câu 4.

Nội dung	Đúng	Sai
a) Diện tích của Mi –an-ma lớn hơn diện tích của Thái Lan.	Đ	
b) Dân số của Thái Lan nhiều hơn của Mi-an –ma.	Đ	
c) Dân số Thái Lan gấp Mi-an-ma 1,4 lần		S
d) Diện tích của Mi-an-ma nhiều hơn Thái Lan 165,5 nghìn km ² .		S

- a) Diện tích của Mi –an-ma là 676,6 nghìn km² lớn hơn diện tích của Thái Lan chỉ là 513,1 nghìn km²
b) Dân số của Thái Lan 69,8 triệu người nhiều hơn của Mi-an –ma là 54,7 triệu người.
c) Dân số Thái Lan gấp Mi-an-ma 1,3 lần
d) Diện tích của Mi-an-ma nhiều hơn Thái Lan 163,5 nghìn km².

PHẦN III. Trả lời ngắn**Câu 1.**

Đáp án:	3	5	5	1
---------	----------	----------	----------	----------

Lưu lượng nước trung bình của sông Hồng bằng tổng các tháng cộng lại chia 12
(1270 + 1070 + 910 + 1060 + 1880 + 4660 + 7630 + 9040 + 6580 + 4070 + 2760 + 1690): 12 = 3551 m³/s

Câu 2.

Đáp án:	2	5	6	6
---------	----------	----------	----------	----------

Tổng lượng mưa của Cà Mau các tháng cộng lại
0,1 + 0,9 + 105,2 + 327 + 319,5 + 225,4 + 565 + 228,3 + 409,2 + 352,7 + 313,371,9 = 2566mm

Câu 3.

Đáp án:	1	2	9	
---------	----------	----------	----------	--

(Số dân năm sau x100): Số dân năm đầu làm mốc

$(98,5 \times 100\%):76,5 = 128,8\%$ làm tròn 129%

Câu 4.

Đáp án:	1	0	8	
----------------	----------	----------	----------	--

(Số GDP năm sau x100): Số GDP năm đầu làm mốc

$(8479,7 \times 100\%):4073,8 = 208,2\%$

Tăng số phần % là: $208,2 - 100\% = 108,2\%$ làm tròn 108

Câu 5.

Đáp án:	2	1	2	
----------------	----------	----------	----------	--

Tổng diện tích rừng trồng năm 2010: $2874,4 - 2553,9 = 220,5$

Tổng diện tích rừng trồng năm 2021: $2572,1 - 2104,1 = 468$

Tốc độ tăng trưởng của rừng trồng: (Tổng DT năm sau x100): Tổng DT năm đầu làm mốc

$(468 \times 100\%):220,5 = 212\%$

Câu 6.

Đáp án:	5	8	3	
----------------	----------	----------	----------	--

Tổng sản lượng thủy của BTB: $204,182 + 541,564 = 745,746$

Tổng sản lượng thủy của NTB: $109,654 + 1219,542 = 1.329,196$

Chênh lệch: $1.329,196 - 745,746 = 583,45$ (làm tròn 583 nghìn tấn)